

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Số: 09 /2021/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Phước, ngày 02 tháng 7 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**

**Thông qua danh mục bổ sung các dự án cần thu hồi đất năm 2021  
trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND  
ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC  
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 1**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;*

*Xét Tờ trình số 47/TTr-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 45/BC-HĐND-KTNS ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*



## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Thông qua danh mục bổ sung 256 dự án cần thu hồi đất năm 2021 với tổng diện tích 4.194,18 ha vì mục đích quốc phòng, an ninh và để phát triển kinh tế - xã hội, vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

*(có phụ lục chi tiết kèm theo)*

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Các nội dung khác không thay đổi thì tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2021, các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất năm 2021 và hủy danh mục các dự án cần thu hồi đất quá 03 năm chưa thực hiện trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa X, kỳ họp thứ 1 thông qua ngày 01 tháng 7 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 13 tháng 7 năm 2021./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ TN và MT, Bộ TP (Cục Kiểm tra văn bản);
- TTTU, TTHĐND, UBND, BTTUBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm CNTT và TT;
- LĐVP, các phòng chức năng;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH** *Phan*



**Huỳnh Thị Hằng**



Phụ lục

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÀN THU HỒI ĐẤT NĂM 2021**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 02 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

| STT      | Tên dự án  | Diện tích thu hồi (ha) | Loại đất thu hồi (*) | Địa điểm thực hiện (đến cấp xã) | Số tiền để bồi thường (triệu đồng) | Nguồn vốn thực hiện |                 |                                    | Căn cứ pháp lý  | Ghi chú |
|----------|--|------------------------|----------------------|---------------------------------|------------------------------------|---------------------|-----------------|------------------------------------|---|---------|
|          |  |                        |                      |                                 |                                    | Ngân sách tỉnh      | Ngân sách huyện | Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...) |   |         |
| <b>I</b> | <b>Thành phố Đồng Xoài</b>   | <b>534,43</b>          |                      |                                 |                                    |                     |                 |                                    |   |         |
| 1        | Xây dựng đường Đồng Tiến - Tân Phú   | 0,91                   | CLN+DTL+ĐGT          | Tân Thiện                       | 2.000                              | 2.000               |                 |                                    | Quyết định số 2293/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của UBND tỉnh          |         |
| 2        | Xây dựng đường cấp theo đường dây 500kv đoạn Đồng Xoài - Đồng Phú                                      | 52,90                  | CLN+DTL+ĐGT+ONT+NTS  | Tân Xuân, Tân Thiện, Tiến Hưng, | 43.000                             | 43.000              |                 |                                    | Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh             |         |
| 3        | Nâng cấp MR QL.14 và ĐT.751 đoạn Đồng Xoài - Chơn Thành  | 28,00                  | ODT+CLN+DGT+DTL      | Tân Thành, Tiến Thành           | 150.000                            | 150.000             |                 |                                    | Văn bản số 1053/SKHĐT-ĐT ngày 28/5/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư |         |
| 4        | Dự án xây dựng, nâng cấp một số công trình trên địa bàn Thành phố Đồng Xoài                            | 4,64                   | ODT+CLN+DGT+DTL+TSN  | Phường Tân Đồng; Tân Bình       | 23.000                             | 23.000              |                 |                                    | Văn bản số 1053/SKHĐT-ĐT ngày 28/5/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư |         |
| 5        | Dự án cơ sở hạ tầng định hướng phát triển bền vững và thích ứng biến đổi khí hậu tỉnh Bình Phước (ADB) | 160,00                 | ODT+CLN+DGT+SON      | Tân Đồng, Tân Thiện             | 150.000                            | 75.000              |                 | 75.000                             | Công văn 1528/UBND-TH ngày 12/5/2021 của UBND tỉnh                |         |
| 6        | Tăng cường khả năng tiêu thoát lũ suối Rạt   | 110,00                 | ODT+CLN+DGT+SON+ONT  | thành phố Đồng Xoài             | 90.000                             |                     |                 | 90.000                             | Quyết định số 1923/QĐ-BNN-KH ngày 05/5/2021 của Bộ NN và PTNT     |         |



| STT | Tên dự án   | Diện tích thu hồi (ha) | Loại đất thu hồi (*) | Địa điểm thực hiện (đến cấp xã) | Số tiền để bồi thường (triệu đồng) | Nguồn vốn thực hiện |                 |                                    | Căn cứ pháp lý  | Ghi chú |
|-----|---|------------------------|----------------------|---------------------------------|------------------------------------|---------------------|-----------------|------------------------------------|---|---------|
|     |   |                        |                      |                                 |                                    | Ngân sách tỉnh      | Ngân sách huyện | Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...) |   |         |
| 7   | Dự án cụm công trình thủy lợi thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (Suối Cam 3,4,5)   | 134,00                 | ODT+CLN+DGT+SON+ONT  | Tiến Thành, Tân Thành           | 558.000                            |                     |                 | 558.000                            | Quyết định số 1645/QĐ-UBND ngày 21/7/2020 của UBND tỉnh   |         |
| 8   | Chỉnh trang đô thị đường Trần Hưng Đạo  | 0,16                   | SKC                  | Tân Phú                         | 30.000                             | 30.000              |                 |                                    | Công văn 3530/UBND-KT ngày 05/10/2020 của UBND tỉnh   |         |
| 9   | Xây dựng đường Đồng Xoài - Tân Lập (Vành đai phía Tây hồ suối Giai)   | 10,75                  | CLN+DTL+DGT+ONT+NTS  | Tiến Hưng                       | 9.000                              | 9.000               |                 |                                    | Quyết định số 3282/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của UBND tỉnh  |         |
| 10  | Xây dựng và mua sắm trang thiết bị Bệnh viện y học cổ truyền tỉnh Bình Phước (giai đoạn II)   | 0,06                   | ODT+CLN              | P. Tân Thiện                    | 500                                | 500                 |                 |                                    | Quyết định số 2785/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND tỉnh  |         |
| 11  | Đoạn mương thoát nước sau xử lý (thuộc hạng mục: Nhà máy xử lý nước thải của dự án: Các tuyến đường số 2, số 3, số 4, số 5, số 7 và nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Đồng Xoài I. Hạng mục: Nhà máy xử lý nước thải) | 0,24                   | CLN                  | Tân Thành                       | 2.200                              | 2.200               |                 |                                    | Quyết định số 2389/QĐ-UBND ngày 25/9/2017 và Quyết định số 688/QĐ-UBND ngày 06/4/2020 của UBND tỉnh |         |



| STT | Tên dự án                                      | Diện tích thu hồi (ha) | Loại đất thu hồi (*) | Địa điểm thực hiện (đến cấp xã) | Số tiền để bồi thường (triệu đồng) | Nguồn vốn thực hiện |                 |                                    | Căn cứ pháp lý   | Ghi chú |
|-----|--|------------------------|----------------------|---------------------------------|------------------------------------|---------------------|-----------------|------------------------------------|--|---------|
|     |  |                        |                      |                                 |                                    | Ngân sách tỉnh      | Ngân sách huyện | Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...) |  |         |
| 12  | Đường Lê Lợi nối Đặng Thai Mai                 | 0,37                   | ODT+CLN+HNK+NTS      | Tân Phú                         | 17.700                             |                     | 17.700          |                                    | Công văn số 760/UBND-KT ngày 17/5/2021 của UBND thành phố Đồng Xoài  |         |
| 13  | Đường Đoàn Thị Điểm nối Lê Lợi                 | 0,08                   | ODT+CLN+HNK+NTS      | Tân Phú                         | 3.400                              |                     | 3.400           |                                    | Công văn số 760/UBND-KT ngày 17/5/2021 của UBND thành phố Đồng Xoài  |         |
| 14  | Đường bờ kè suối Mơ nối Đặng Thai Mai          | 0,09                   | ODT+CLN+HNK+NTS      | Tân Phú                         | 1.300                              |                     | 1.300           |                                    | Công văn số 760/UBND-KT ngày 17/5/2021 của UBND thành phố Đồng Xoài  |         |
| 15  | Công viên Suối Cam giai đoạn II                | 9,00                   | ODT+CLN              | Phường Tân Phú                  | 600                                | 600                 |                 |                                    | Đang xin chủ trương  |         |
| 16  | Khu phân lô đất công tại Lâm trường Suối Nhung | 1,00                   | ODT+ĐGT+CLN          | Tân Bình                        | 15.000                             |                     | 15.000          |                                    | Quyết định số 1522/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND thành phố Đồng Xoài   |         |
| 17  | Trụ sở phòng ngoại tuyến                       | 0,22                   | CLN                  | Tiền Thành                      |                                    |                     | x               |                                    | Kết luận số 114-KL/TU ngày 13/4/2021 của Thường trực Tỉnh ủy và Công văn số 4398/UBND-KT ngày 27/12/2017 của UBND tỉnh |         |





| STT       | Tên dự án   | Diện tích thu hồi (ha) | Loại đất thu hồi (*) | Địa điểm thực hiện (đến cấp xã) | Số tiền để bồi thường (triệu đồng) | Nguồn vốn thực hiện |                 |                                    | Căn cứ pháp lý   | Ghi chú   |
|-----------|---|------------------------|----------------------|---------------------------------|------------------------------------|---------------------|-----------------|------------------------------------|--|---|
|           |   |                        |                      |                                 |                                    | Ngân sách tỉnh      | Ngân sách huyện | Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...) |  |   |
| 18        | Xây dựng thao trường huấn luyện Ban CHQS thành phố Đồng Xoài  | 22,00                  | CLN                  | Tiến Hưng                       | 6.000                              |                     |                 | 6.000                              | Công văn số 419/BCH-HCKT ngày 24/3/2021 của Ban CHQS thành phố Đồng Xoài   |   |
| <b>II</b> | <b>Thị xã Bình Long</b>                                       | <b>425,54</b>          |                      |                                 |                                    |                     |                 |                                    |  |   |
| 1         | XD Cụm công nghiệp Hưng Chiến II                              | 5,00                   | CLN                  | Hưng Chiến                      | 11.250                             | 11.250              |                 |                                    | Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh; Thông báo số 107/TB - UBND ngày 05/3/2021 của UBND tỉnh | Đã thông qua 70 ha tại Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND của HĐND tỉnh. Nay mở rộng thêm 5 ha |
| 2         | Lò mổ thị xã Bình Long  | 2,00                   | CLN                  | An Lộc                          | 300                                |                     | 300             |                                    | Thông báo số 107/TB - UBND ngày 05/3/2021 của UBND tỉnh  |   |
| 3         | Đường vào cụm CN Thanh Phú                                    | 3,00                   | CLN                  | Thanh Phú                       | 1.300                              | 1.300               |                 |                                    | Thông báo số 107/TB - UBND ngày 05/3/2021 của UBND tỉnh  |   |
| 4         | Bãi xử lý rác thải TX.Bình Long, H.Hơn Quán, huyện Chơn Thành | 10,00                  | DRA                  | Hưng Chiến                      | 1.500                              | 1.500               |                 |                                    | Thông báo số 107/TB - UBND ngày 05/3/2021 của UBND tỉnh  |   |
| 5         | Khu NN CNC Thanh Phú  | 200,00                 | NKH                  | Thanh Phú                       | 30.000                             |                     |                 | 30.000                             | Thông báo số 107/TB - UBND ngày 05/3/2021 của UBND tỉnh  |   |



| STT | Tên dự án                             | Diện tích thu hồi (ha) | Loại đất thu hồi (*) | Địa điểm thực hiện (đến cấp xã) | Số tiền để bồi thường (triệu đồng) | Nguồn vốn thực hiện |                 |                                    | Căn cứ pháp lý   | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------|------------------------|----------------------|---------------------------------|------------------------------------|---------------------|-----------------|------------------------------------|--|---------|
|     |                                       |                        |                      |                                 |                                    | Ngân sách tỉnh      | Ngân sách huyện | Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...) |  |         |
| 6   | Khu NN CNC Phú Thịnh                  | 40,00                  | NKH                  | Phú Thịnh                       | 6.000                              |                     |                 | 6.000                              | Thông báo số 107/TB - UBND ngày 05/3/2021 của UBND tỉnh            |         |
| 7   | KDC Hưng Phú                          | 11,00                  | CLN                  | Hưng Chiến                      | 16.500                             |                     |                 | 16.500                             | Thông báo số 107/TB - UBND ngày 05/3/2021 của UBND tỉnh            |         |
| 8   | KDC Hưng Chiến                        | 8,06                   | CLN                  | Hưng Chiến                      | 1.209                              |                     |                 | 1.209                              | Thông báo số 107/TB - UBND ngày 05/3/2021 của UBND tỉnh            |         |
| 9   | KDC đường ĐT752                       | 15,80                  | CLN                  | An Lộc                          | 2.370                              |                     |                 | 2.370                              | Thông báo số 107/TB - UBND ngày 05/3/2021 của UBND tỉnh Bình Phước |         |
| 10  | KDC giáp Cụm công nghiệp Thanh Phú II | 6,00                   | CLN                  | Thanh Phú                       | 900                                |                     |                 | 900                                | Thông báo số 107/TB - UBND ngày 05/3/2021 của UBND tỉnh            |         |
| 11  | Làng công nhân cao su Bình Minh       | 10,00                  | ODT                  | Hưng Chiến                      | 1.500                              |                     | 1.500           |                                    | Thông báo số 107/TB - UBND ngày 05/3/2021 của UBND tỉnh            |         |



| STT | Tên dự án   | Diện tích thu hồi (ha) | Loại đất thu hồi (*) | Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)        | Số tiền để bồi thường (triệu đồng) | Nguồn vốn thực hiện |                 |                                    | Căn cứ pháp lý  | Ghi chú |
|-----|---|------------------------|----------------------|--|------------------------------------|---------------------|-----------------|------------------------------------|---|---------|
|     |   |                        |                      |  |                                    | Ngân sách tỉnh      | Ngân sách huyện | Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...) |   |         |
| 12  | Khu dân cư lò gạch  | 2,94                   | ODT                  | Phú Thịnh                              | 1.470                              |                     | 1.470           |                                    | Thông báo số 107/TB - UBND ngày 05/3/2021 của UBND tỉnh   |         |
| 13  | Trụ sở làm việc và khu dân cư cán bộ công nhân viên   | 5,40                   | TSC+ODT              | Hưng Chiến                             | 2.700                              |                     | 2.700           |                                    | Công văn số 63/CSBL-KHĐT ngày 28/1/2021 của Công ty cao su Bình Long; Công văn số 2553/UBND-KT ngày 29/7/2020 của UBND tỉnh |         |
| 14  | Mở tuyến giáp ranh cao su "khu đất lò gạch" khu phố Phú Hòa   | 0,24                   | DGT                  | Phú Thịnh                              | 120                                |                     |                 | 120                                | Thông báo số 107/TB - UBND ngày 05/3/2021 của UBND tỉnh   |         |
| 15  | Xây dựng đường liên Hưng Chiến đi Thanh Lương   | 22,68                  | CLN                  | Hưng Chiến, Thanh Phú, Thanh Lương     | 11.340                             |                     |                 | 11.340                             | Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh   |         |
| 16  | Xây dựng đường Nguyễn Văn Trỗi kết nối huyện Hớn Quản (đoạn từ ngã 3 Đoàn Thị Điểm đến ranh huyện Hớn Quản) | 11,18                  | CLN                  | P. Hưng Chiến,                         | 5.590                              | 5.590               |                 |                                    | Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh   |         |
| 17  | Xây dựng đường vành đai Thị xã Bình Long  | 55,32                  | CLN                  | P. Hưng Chiến, P. An Lộc, X. Thanh Phú | 27.660                             | 27.660              |                 |                                    | Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh   |         |



| STT        | Tên dự án   | Diện tích thu hồi (ha) | Loại đất thu hồi (*) | Địa điểm thực hiện (đến cấp xã) | Số tiền để bồi thường (triệu đồng) | Nguồn vốn thực hiện |                 |                                    | Căn cứ pháp lý  | Ghi chú                                   |
|------------|---|------------------------|----------------------|---------------------------------|------------------------------------|---------------------|-----------------|------------------------------------|---|---|
|            |   |                        |                      |                                 |                                    | Ngân sách tỉnh      | Ngân sách huyện | Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...) |   |   |
| 18         | Xây dựng trụ sở CA (Đất do Ban QL khu KT quản lý)           | 3,00                   | TSC                  | Thanh Phú                       | 450                                |                     | 450             |                                    | Thông báo 107/TB - UBND ngày 05/3/2021 của UBND tỉnh Bình Phước.                                  |   |
| 19         | Xây dựng nhà VH đa năng (Đất do Ban Quản lý khu KT quản lý) | 0,92                   | DSH                  | Thanh Phú                       | 460                                |                     | 460             |                                    | Thông báo số 107/TB - UBND ngày 05/3/2021 của UBND tỉnh   |   |
| 20         | Khu đất còn lại thuộc Ban Quản lý khu kinh tế               | 13,00                  | PNK                  | Thanh Phú                       | 1.950                              |                     | 1.950           |                                    | Thông báo số 107/TB - UBND ngày 05/3/2021 của UBND tỉnh   |   |
| <b>III</b> | <b>Huyện Hớn Quản</b>                                       | <b>770,64</b>          |                      |                                 |                                    |                     |                 |                                    |   |   |
| 1          | Nhà máy điện mặt trời Minh Tâm 1,2,3                        | 360,00                 | CLN                  | Minh Tâm                        | 540.000                            |                     |                 | 540.000                            | Công văn số 3746/UBND-TH ngày 13/12/2019 và Công văn số 1443/UBND-TH ngày 14/5/2020 của UBND tỉnh |   |
| 2          | Xây dựng chợ, khu trung tâm văn hóa Minh Tâm                | 2,00                   | CLN                  | Minh Tâm                        | 1.800                              |                     | 1.800           |                                    | Biên bản ngày 16/10/2017 giữa Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long và UBND huyện Hớn Quản            | Đất của Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long |



| STT | Tên dự án   | Diện tích thu hồi (ha) | Loại đất thu hồi (*) | Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)                                  | Số tiền để bồi thường (triệu đồng) | Nguồn vốn thực hiện |                 |                                    | Căn cứ pháp lý  | Ghi chú                                   |
|-----|---|------------------------|----------------------|--|------------------------------------|---------------------|-----------------|------------------------------------|---|---|
|     |   |                        |                      |  |                                    | Ngân sách tỉnh      | Ngân sách huyện | Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...) |   |   |
| 3   | Thu hồi đất của Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long để bổ sung quy hoạch các Cụm công nghiệp giai đoạn 2021 - 2030 (Cụm công nghiệp Phước An, Cụm công nghiệp Tân Hưng, Cụm công nghiệp Minh Tâm, Cụm công nghiệp Thanh An) | 300,00                 | CLN                  | Phước An, Tân Hưng, Minh Tâm, Thanh An                           | 270.000                            |                     | 270.000         |                                    | Báo cáo số 33/BC-UBND ngày 09/3/2021 của UBND huyện Hớn Quản, Biên bản làm việc ngày 26/02/2021 giữa UBND huyện Hớn Quản và Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long | Đất của Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long |
| 4   | Xây dựng cầu dân sinh trên địa bàn tỉnh Bình Phước  | 0,61                   | CLN, DGT, ONT, SON   | Tân Hiệp, Đồng Nơ, Tân Lợi, Minh Tâm, Tân Quan, Phước An, An Phú | 1.500                              | 1.500               |                 |                                    | Quyết định số 3282/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của UBND tỉnh, Công văn số 162/BQLDA-KHTH ngày 10/3/2021 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước     |   |
| 5   | Nâng cấp đường từ Ngã 3 Xa Cát vào Khu công nghiệp Việt Kiều, huyện Hớn Quản  | 27,00                  | CLN, ONT             | Thanh Bình, Minh Đức   | 20.000                             | 20.000              |                 |                                    | Quyết định số 2021/QĐ-UBND ngày 20/8/2020 của UBND tỉnh   |   |
| 6   | Xây dựng đường từ Tân Hưng, huyện Hớn Quản đi Long Tân, huyện Phú Riềng   | 14,00                  | CLN, ONT             | Tân Hưng   | 10.000                             | 10.000              |                 |                                    | Quyết định số 1131/QĐ-UBND ngày 04/5/2021 của UBND tỉnh   |   |



| STT | Tên dự án  | Diện tích thu hồi (ha) | Loại đất thu hồi (*) | Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)                | Số tiền để bồi thường (triệu đồng) | Nguồn vốn thực hiện |                 |                                    | Căn cứ pháp lý   | Ghi chú   |
|-----|--|------------------------|----------------------|--|------------------------------------|---------------------|-----------------|------------------------------------|--|---|
|     |  |                        |                      |  |                                    | Ngân sách tỉnh      | Ngân sách huyện | Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...) |  |   |
| 7   | Nâng cấp, mở rộng đường từ Khu công nghiệp Việt Kiều kết nối với Khu công nghiệp Minh Hưng Sikico, huyện Hớn Quản          | 6,00                   | CLN, ONT             | Đồng Nơ, Minh Đức                              | 10.480                             | 10.480              |                 |                                    | Quyết định số 551/QĐ-UBND ngày 05/3/2021 của UBND tỉnh                                 |   |
| 8   | Xây dựng các tuyến đường từ thị trấn Tân Khai kết nối với các tuyến đường đi Phước An, Đồng Nơ và Minh Đức, huyện Hớn Quản | 4,00                   | CLN, ONT             | Thị trấn Tân Khai, Phước An, Đồng Nơ, Minh Đức | 6.700                              | 6.700               |                 |                                    | Quyết định số 490/QĐ-UBND ngày 24/3/2021 của UBND huyện Hớn Quản                       |   |
| 9   | Khu dân cư Sóc Quả   | 4,50                   | CLN                  | Tân Hưng                                       | 4.050                              |                     | 4.050           |                                    | Biên bản ngày 09/12/2020 giữa Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long và UBND huyện Hớn Quản |   |
| 10  | Thu hồi đất giao UBND huyện quản lý để thực hiện quy hoạch, tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất để xây dựng khu dân cư       | 2,91                   | CLN                  | Thị trấn Tân Khai                              | 436                                |                     | 436             |                                    | Công văn số 2339/UBND-KT ngày 16/7/2020 của UBND tỉnh                                  |   |
| 11  | Trường Tiểu học Phước An B   | 0,54                   | CLN                  | Phước An                                       | 1.836                              |                     | 1.836           |                                    | Biên bản ngày 16/10/2017 giữa Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long và UBND huyện Hớn Quản | Đã thông qua 1,5 ha tại Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND của HĐND tỉnh. Nay mở rộng thêm 0,54 ha |



| STT | Tên dự án   | Diện tích thu hồi (ha) | Loại đất thu hồi (*)    | Địa điểm thực hiện (đến cấp xã) | Số tiền để bồi thường (triệu đồng) | Nguồn vốn thực hiện |                 |                                    | Căn cứ pháp lý  | Ghi chú   |
|-----|---|------------------------|-------------------------|---------------------------------|------------------------------------|---------------------|-----------------|------------------------------------|---|---|
|     |   |                        |                         |                                 |                                    | Ngân sách tỉnh      | Ngân sách huyện | Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...) |   |   |
| 12  | Dự án cụm công trình thủy lợi các huyện biên giới tỉnh Bình Phước                         | 15,00                  | CLN+DGT+ONT+DTL         | Hớn Quản                        | 100.000                            |                     |                 | 100.000                            | Quyết định số 5028/QĐ-BNN-XD ngày 10/12/2020 của Bộ NN và PTNT  |   |
| 13  | Dự án hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu - thành phần tỉnh Bình Phước (ADB) | 7,70                   | CLN+DGT+ONT+DTL         | Tân Hiệp                        | 7.000                              | 3.000               |                 | 4.000                              | Công văn số 148/TTg-QHQT ngày 02/02/2021 của Thủ tướng Chính Phủ  |   |
| 14  | Khu dân cư Tân Hưng 1   | 2,50                   | CLN                     | Tân Hưng                        | 2.250                              |                     | 2.250           |                                    | Biên bản ngày 26/02/2021 giữa Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long, xin thu hồi giao về UBND huyện quản lý để giải quyết chính sách an sinh hội của địa phương | Đất của Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long, xin thu hồi giao về UBND huyện quản lý để giải quyết chính sách an sinh hội của địa phương |
| 15  | Xây dựng mương, cống thoát nước ngoài khu công nghiệp Tân Khai II (nối tiếp)              | 3,58                   | CLN+DGT+SON+DNL         | Thị trấn Tân Khai               | 6.500                              | 6.500               |                 |                                    | Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh   |   |
| 16  | Xây dựng đường liên Phước An đi Tân Hưng và Tân Quan huyện Hớn Quản                       | 15,00                  | ONT, CLN, ODT, DGT, DTL | Tân Hưng, Tân Khai              | 2.000                              | 2.000               |                 |                                    | Tờ trình số 48a/TTr-UBND ngày 09/6/2021 của UBND tỉnh   |   |
| 17  | Chỉnh trang đô thị  | 5,30                   | SKC                     | Tân khai                        |                                    |                     |                 |                                    | Công văn số 1694/UBND-TH ngày 26/5/2021 của UBND tỉnh   | Thu hồi đất Công ty TNHH SX TM DV An Phú Thịnh  |



| STT | Tên dự án   | Diện tích thu hồi (ha) | Loại đất thu hồi (*) | Địa điểm thực hiện (đến cấp xã) | Số tiền để bồi thường (triệu đồng) | Nguồn vốn thực hiện |                 |                                    | Căn cứ pháp lý   | Ghi chú |
|-----|---|------------------------|----------------------|---------------------------------|------------------------------------|---------------------|-----------------|------------------------------------|--|---------|
|     |   |                        |                      |                                 |                                    | Ngân sách tỉnh      | Ngân sách huyện | Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...) |  |         |
| IV  | Huyện Bù Gia Mập  | 88,00                  |                      |                                 |                                    |                     |                 |                                    |  |         |
| 1   | Mở rộng trường mầm non Đăk Ô  | 0,20                   | CLN                  | Đăk Ô                           | 400                                |                     | 400             |                                    | Công văn số 279/UBND-SX ngày 11/5/2021 của UBND huyện Bù Gia Mập     |         |
| 2   | Mở rộng Trường Tiểu học Lê Lợi  | 0,10                   | CLN                  | Phước Minh                      | 200                                |                     | 200             |                                    | Công văn số 279/UBND-SX ngày 11/5/2021 của UBND huyện Bù Gia Mập     |         |
| 3   | Xây dựng các tuyến đường trung tâm hành chính huyện                       | 10,70                  | CLN                  | Phú Nghĩa                       | 7.000                              |                     | 7.000           |                                    | Quyết định số 2125/QĐ-UBND ngày 27/8/2020 của UBND tỉnh              |         |
| 4   | Nâng cấp tuyến đường ĐH16 từ ĐT.760 đi Long Điền                          | 4,00                   | CLN                  | Đa Kia                          | 855                                |                     | 855             |                                    | Quyết định số 2100/QĐ-UBND ngày 07/10/2020 của UBND huyện Bù Gia Mập |         |
| 5   | Nâng cấp đường cấp phối sỏi đỏ từ Lạc Hồng đi suối Thơm (BT24) dài 4,5 km | 1,00                   | CLN                  | Bình Thắng                      | 180                                |                     | 180             |                                    | Quyết định số 2100/QĐ-UBND ngày 07/10/2020 của UBND                  |         |
| 6   | Xây dựng Bãi rác Phước Minh   | 3,00                   | CLN                  | Phước Minh                      | 2.000                              |                     | 2.000           |                                    | Thông báo số 22/TB-UBND ngày 27/01/2021 của UBND huyện Bù Gia Mập    |         |
| 7   | Xây dựng đường từ ĐT.759 đi Bình Thắng ra ĐT.760 nối dài                  | 3,00                   | CLN                  | Bình Thắng                      | 2.000                              |                     | 2.000           |                                    | Công văn số 279/UBND-SX ngày 11/5/2021 của UBND huyện Bù Gia Mập     |         |



| STT      | Tên dự án  | Diện tích thu hồi (ha) | Loại đất thu hồi (*) | Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)                     | Số tiền để bồi thường (triệu đồng) | Nguồn vốn thực hiện |                 |                                    | Căn cứ pháp lý   | Ghi chú |
|----------|--|------------------------|----------------------|---|------------------------------------|---------------------|-----------------|------------------------------------|--|---------|
|          |  |                        |                      |   |                                    | Ngân sách tỉnh      | Ngân sách huyện | Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...) |  |         |
| 8        | Nâng cấp mở rộng đường từ cầu bắc qua Sông Bé (kết nối thị xã Phước Long và huyện Bù Gia Mập đến QL 14c) | 17,00                  | CLN                  | Phú Nghĩa   | 10.000                             |                     | 10.000          |                                    | Công văn số 279/UBND-SX ngày 11/5/2021 của UBND huyện Bù Gia Mập     |         |
| 9        | Xây dựng Cầu dân sinh trên địa bàn tỉnh Bình Phước   | 1,10                   | CLN, ONT             | Phú Nghĩa;<br>Phú Văn;<br>Đăk Ô; Bình Thắng; Đa Kia | 1.500                              |                     | 1.500           |                                    | Quyết định số 3282/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của UBND tỉnh Bình Phước  |         |
| 10       | Láng nhựa đường giao thông nông thôn Bình Giai, xã Phước Minh (PM,20)                                    | 4,00                   | CLN, ONT             | Phước Minh  | 1.000                              |                     | 1.000           |                                    | Quyết định số 1624/QĐ-UBND ngày 20/10/2018 của UBND huyện Bù Gia Mập |         |
| 11       | Đường điện trung hạ thế Điểm dân.cư liên kề Đồn Biên phòng Đăk Ô   | 3,90                   | CLN                  | Đăk Ô   |                                    |                     |                 |                                    | Kế hoạch số 869/KH-BTL ngày 27/3/2021 của Bộ tư lệnh QK 7            |         |
| 12       | Dự án xây dựng QL 14C kết nối Đăk Nông với Bình Phước qua Tây Ninh, Long An                              | 40,00                  | CLN, ONT             | Phước Minh, Đa Kia, Bình Thắng                      | 40.000                             | 40.000              |                 |                                    | Quyết định số 381/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 của UBND tỉnh               |         |
| <b>V</b> | <b>Huyện Bù Đốp</b>  | <b>167,95</b>          |                      |   |                                    |                     |                 |                                    |  |         |



| STT | Tên dự án                              | Diện tích thu hồi (ha) | Loại đất thu hồi (*) | Địa điểm thực hiện (đến cấp xã) | Số tiền để bồi thường (triệu đồng) | Nguồn vốn thực hiện |                 |                                    | Căn cứ pháp lý  | Ghi chú |
|-----|--|------------------------|----------------------|---------------------------------|------------------------------------|---------------------|-----------------|------------------------------------|---|---------|
|     |  |                        |                      |                                 |                                    | Ngân sách tỉnh      | Ngân sách huyện | Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...) |   |         |
| 1   | Trường bắn BCHBĐ biên Phòng            | 30,00                  | RSX                  | Phước Thiện                     | 20.000                             |                     |                 |                                    | Nghị quyết số 50/2017/NQ-HĐND ngày 12/12/2017 của HĐND tỉnh |         |
| 2   | Căn cứ hậu cần kỹ thuật                | 21,78                  | CLN                  | Thanh Hòa                       | 22.000                             |                     |                 |                                    | Nghị quyết số 50/2017/NQ-HĐND ngày 12/12/2017 của HĐND tỉnh |         |
| 3   | Mở rộng Trường mẫu giáo                | 0,08                   | DCH                  | Phước Thiện                     |                                    |                     |                 |                                    | Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh |         |
| 4   | Nâng cấp đường nhựa khu phố Thanh Bình | 1,60                   | CLN                  | Thanh Bình                      | 2.000                              |                     |                 |                                    | Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh |         |
| 5   | Đường ĐT759 đi trung tâm thương mại    | 2,45                   | CLN                  | Thanh Bình                      | 3.000                              |                     |                 |                                    | Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh       |         |
| 6   | Công trình chiến đấu 1                 | 0,60                   | CLN                  | Hưng Phước                      | 1.000                              |                     |                 |                                    | Quyết định số 3728/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh    |         |
| 7   | Kênh thủy lợi ấp Tân trạch 1           | 0,01                   | CLN                  | Phước Thiện                     |                                    |                     |                 |                                    | Quyết định số 3728/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh    |         |



| STT | Tên dự án   | Diện tích thu hồi (ha) | Loại đất thu hồi (*) | Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)  | Số tiền để bồi thường (triệu đồng) | Nguồn vốn thực hiện |                 |                                    | Căn cứ pháp lý  | Ghi chú |
|-----|---|------------------------|----------------------|----------------------------------|------------------------------------|---------------------|-----------------|------------------------------------|---|---------|
|     |   |                        |                      |                                  |                                    | Ngân sách tỉnh      | Ngân sách huyện | Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...) |   |         |
| 8   | Kênh thủy lợi ấp Tân trạch 2  | 0,01                   | CLN                  | Phước Thiện                      |                                    |                     |                 |                                    | Quyết định số 3728/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh                    |         |
| 9   | Kênh thủy lợi ấp Tân trạch 3  | 0,02                   | CLN                  | Phước Thiện                      |                                    |                     |                 |                                    | Quyết định số 3728/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh                    |         |
| 10  | Khu tái định cư đập Bù Tam  | 3,00                   | CLN                  | Hưng Phước                       | 3.000                              |                     |                 |                                    | Công văn số 1799/UBND-KT ngày 06/8/2020 của UBND huyện Bù Đốp               |         |
| 11  | Khu sơ tán các phòng ban, ngành đoàn thể trong hoạt động phòng thủ dân sự                 | 30,00                  | CLN                  | Thanh Hòa                        | 30.000                             |                     |                 |                                    | Quyết định số 3728/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh                    |         |
| 12  | Đề án quy hoạch thao trường (2 điểm)  | 32,75                  | CLN                  | Hưng Phước, Phước Thiện          | 33.000                             |                     |                 |                                    | Kế hoạch số 1236/KH-BCH ngày 29/10/2020 của Bộ Chỉ huy quân sự huyện Bù Đốp |         |
| 13  | Dự án hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu - thành phần tỉnh Bình Phước (ADB) | 7,60                   |                      | Tân Thành, Thanh Hòa, Thanh Bình | 7.000                              | 3.000               |                 | 4.000                              | Công văn số 148/TTg-QHQT ngày 02/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ            |         |



| STT       | Tên dự án  | Diện tích thu hồi (ha) | Loại đất thu hồi (*) | Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)      | Số tiền để bồi thường (triệu đồng) | Nguồn vốn thực hiện |                 |                                    | Căn cứ pháp lý  | Ghi chú |
|-----------|--|------------------------|----------------------|--------------------------------------|------------------------------------|---------------------|-----------------|------------------------------------|---|---------|
|           |  |                        |                      |                                      |                                    | Ngân sách tỉnh      | Ngân sách huyện | Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...) |   |         |
| 14        | Dự án xây dựng hạ tầng khu thương mại - công nghiệp - dịch vụ 03 cửa khẩu quốc gia: Hoàng Diệu, Tân Thành, Lộc Thịnh | 154,55                 |                      | Hưng Phước, Tân Thành                | 85.000                             | 85.000              |                 |                                    | Quyết định số 3308/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh  |         |
| 15        | Đường nhựa cấp bệnh viện Đa khoa   | 2,00                   | CLN                  | Thanh Bình                           | 2.000                              |                     |                 |                                    | Quy hoạch hệ thống thao trường huấn luyện của LLVT huyện giai đoạn 2020 - 2025 và những năm tiếp theo |         |
| 16        | Cầu dân sinh   | 0,30                   | CLN, ONT             | xã Tân Tiến, Tân Thành, Thanh Hòa    | 1.000                              |                     |                 |                                    | Quyết định số 3282/QĐ-UBND ngày 5/12/2020 của UBND tỉnh   |         |
| 17        | Dự án: Xây dựng nhà làm việc và nhà ở cho các lực lượng chức năng tại cửa khẩu, lối mở trên địa bàn tỉnh             | 4,80                   | CLN                  | Hưng Phước, Phước Thiện và Tân Thành | 1.000                              | 1.000               |                 |                                    | Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh  |         |
| 18        | Đường Lộc Tấn - Bù Đốp   | 0,70                   | CLN                  | xã Tân Thành                         | 5.000                              |                     |                 |                                    | Các bản án của tòa án nhân dân cấp cao  |         |
| <b>VI</b> | <b>Huyện Lộc Ninh</b>  | <b>852,02</b>          |                      |                                      |                                    |                     |                 |                                    |   |         |
| 1         | Nhà cách ly y tế và trạm xá Quân, dân y hữu nghị Việt Nam - Campuchia  | 1,43                   | SKC                  | Lộc Hòa                              |                                    |                     |                 |                                    | Công văn số 3322/UBND-KT ngày 16/9/2020 của UBND tỉnh   |         |



| STT | Tên dự án  | Diện tích thu hồi (ha) | Loại đất thu hồi (*) | Địa điểm thực hiện (đến cấp xã) | Số tiền để bồi thường (triệu đồng) | Nguồn vốn thực hiện |                 |                                    | Căn cứ pháp lý  | Ghi chú |
|-----|--|------------------------|----------------------|---------------------------------|------------------------------------|---------------------|-----------------|------------------------------------|---|---------|
|     |  |                        |                      |                                 |                                    | Ngân sách tỉnh      | Ngân sách huyện | Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...) |   |         |
| 2   | Đường từ QL13 qua Lộc An đi Lộc Hiệp   | 2,50                   | CLN                  | Lộc An, Lộc Hiệp                | 1.500                              |                     | 1.500           |                                    | Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 10/5/2021 của UBND huyện Lộc Ninh |         |
| 3   | Nâng cấp, mở rộng đường Phan Bội Châu, đường vành đai thị trấn Lộc Ninh                | 1,50                   | CLN                  | thị trấn Lộc Ninh               | 900                                |                     | 900             |                                    | Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 10/5/2021 của UBND huyện Lộc Ninh |         |
| 4   | Đường liên Lộc Thái - Lộc Thiện (đoạn từ Trường TH Lộc Thái A đi Lộc Thiện)            | 0,50                   | CLN                  | Lộc Thái, Lộc Thiện             | 300                                |                     | 300             |                                    | Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 10/5/2021 của UBND huyện Lộc Ninh |         |
| 5   | Nâng cấp, mở rộng đường liên Lộc Tấn - Lộc Thạnh kết nối quốc lộ 13 (đoạn qua Lộc Tấn) | 1,50                   | CLN                  | Lộc Tấn                         | 900                                |                     | 900             |                                    | Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 10/5/2021 của UBND huyện Lộc Ninh |         |
| 6   | Đường điện trung hạ thế ấp K57 Lộc Tấn   | 1,50                   | CLN                  | Lộc Tấn                         | 900                                |                     | 900             |                                    | Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 10/5/2021 của UBND huyện Lộc Ninh |         |



| STT | Tên dự án   | Diện tích thu hồi (ha) | Loại đất thu hồi (*) | Địa điểm thực hiện (đến cấp xã) | Số tiền để bồi thường (triệu đồng) | Nguồn vốn thực hiện |                 |                                    | Căn cứ pháp lý  | Ghi chú |
|-----|---|------------------------|----------------------|---------------------------------|------------------------------------|---------------------|-----------------|------------------------------------|---|---------|
|     |   |                        |                      |                                 |                                    | Ngân sách tỉnh      | Ngân sách huyện | Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...) |   |         |
| 7   | Đường điện trung hạ thế ấp 11 Lộc Thuận                                     | 1,00                   | CLN                  | Lộc Thuận                       | 600                                |                     | 600             |                                    | Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 10/5/2021 của UBND huyện Lộc Ninh |         |
| 8   | Đường từ ngã ba hồ bom làng 10 đi ấp K54 Lộc Thiện                          | 1,00                   | CLN                  | Lộc Thiện                       | 600                                |                     | 600             |                                    | Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 10/5/2021 của UBND huyện Lộc Ninh |         |
| 9   | Đường Tà Thiết - Hoa Lư kết nối đường phía tây QL 13                        | 46,00                  | CLN                  | Lộc Thành, Lộc Hòa              | 27.600                             | 27.600              |                 |                                    | Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 16/4/2021 của HĐND tỉnh             |         |
| 10  | Đường liên Lộc Thiện - Lộc Thành kết nối QL13                               | 2,00                   | CLN                  | Lộc Thiện, Lộc Thành            | 1.200                              | 1.200               |                 |                                    | Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh             |         |
| 11  | Đường liên Lộc Thuận - Lộc Hiệp - Lộc Quang kết nối đường ĐT 756 và ĐT 759B | 3,00                   | CLN                  | Lộc Thuận, Lộc Hiệp, Lộc Quang  | 1.800                              | 1.800               |                 |                                    | Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh             |         |
| 12  | Trường Mẫu giáo Lộc Thái  | 2,00                   | CLN                  | Lộc Thái                        | 1.200                              | 1.200               |                 |                                    | Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh             |         |
| 13  | Đường nội ô thị trấn Lộc Ninh   | 1,00                   | CLN                  | TT. Lộc Ninh                    | 600                                |                     | 600             |                                    | Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 10/5/2021 của UBND huyện          |         |
| 14  | Cải tạo suối chống hạn (đoạn từ chân đập nước Lộc Tấn đến cầu Lâm Trường)   | 4,00                   | CLN                  | Lộc Tấn                         | 2.400                              | 2.400               |                 |                                    | Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 16/4/2021 của HĐND tỉnh             |         |



| STT | Tên dự án  | Diện tích thu hồi (ha) | Loại đất thu hồi (*) | Địa điểm thực hiện (đến cấp xã) | Số tiền để bồi thường (triệu đồng) | Nguồn vốn thực hiện |                 |                                    | Căn cứ pháp lý   | Ghi chú |
|-----|--|------------------------|----------------------|---------------------------------|------------------------------------|---------------------|-----------------|------------------------------------|--|---------|
|     |  |                        |                      |                                 |                                    | Ngân sách tỉnh      | Ngân sách huyện | Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...) |  |         |
| 15  | Đường và kè suối Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh (đoạn từ cầu Chế Biên đi cầu Đỏ, Lộc Điền)               | 8,00                   | CLN                  | Lộc Điền                        | 4.800                              | 4.800               |                 |                                    | Quyết định số 853/QĐ-UBND ngày 30/3/2021 của UBND tỉnh             |         |
| 16  | Đường giao thông và kè cấp suối đoạn từ Cổng sau nhà máy Chế biến đến cổng Công ty Cao su Lộc Ninh | 1,60                   | CLN                  | TT. Lộc Ninh                    | 3.000                              |                     | 3.000           |                                    | Quyết định số 4038/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện Lộc Ninh |         |
| 17  | Mở rộng nghĩa trang ấp Bà Ven + Khu hỏa táng   | 2,00                   | CLN                  | Lộc Khánh                       | 1.200                              |                     | 1.200           |                                    | Thông báo số 190/TB-UBND ngày 06/11/2020 của UBND huyện Lộc Ninh   |         |
| 18  | Mở rộng đường ngã 3 Lộc Thuận - Bồn Xăng   | 0,33                   | CLN                  | Lộc Quang                       | 198                                |                     | 198             |                                    | Công văn số 265/UBND-KT ngày 09/3/2021 của UBND huyện Lộc Ninh     |         |
| 19  | Mở rộng đường UBND - Mẫu giáo Lộc Quang  | 0,60                   | CLN                  | Lộc Quang                       | 360                                |                     | 360             |                                    | Công văn số 265/UBND-KT ngày 09/3/2021 của UBND huyện Lộc Ninh     |         |
| 20  | Trường Mẫu giáo + Tiểu học Sao Sáng  | 1,00                   | CLN                  | Lộc Thuận                       | 600                                |                     | 600             |                                    | Thông báo số 107/TB-UBND ngày 05/3/2021 của UBND tỉnh              |         |



| STT | Tên dự án                                       | Diện tích thu hồi (ha) | Loại đất thu hồi (*) | Địa điểm thực hiện (đến cấp xã) | Số tiền để bồi thường (triệu đồng) | Nguồn vốn thực hiện |                 |                                    | Căn cứ pháp lý   | Ghi chú |
|-----|---|------------------------|----------------------|---------------------------------|------------------------------------|---------------------|-----------------|------------------------------------|--|---------|
|     |   |                        |                      |                                 |                                    | Ngân sách tỉnh      | Ngân sách huyện | Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...) |  |         |
| 21  | Trụ sở ấp 7                                     | 0,30                   | CLN                  | Lộc Thuận                       | 180                                |                     | 180             |                                    | Thông báo số 107/TB-UBND ngày 05/3/2021 của UBND tỉnh  |         |
| 22  | Trụ sở ấp 8                                     | 0,30                   | CLN                  | Lộc Thuận                       | 180                                |                     | 180             |                                    | Thông báo số 107/TB-UBND ngày 05/3/2021 của UBND tỉnh  |         |
| 23  | Nhà văn hóa ấp 11A                              | 0,35                   | CLN                  | Lộc Thiện                       | 210                                |                     | 210             |                                    | Thông báo số 107/TB-UBND ngày 05/3/2021 của UBND tỉnh  |         |
| 24  | Bia tường.niệm                                  | 0,20                   | CLN                  | Lộc Thiện                       | 120                                |                     | 120             |                                    | Thông báo số 107/TB-UBND ngày 05/3/2021 của UBND tỉnh  |         |
| 25  | Trung tâm VH-TT                                 | 5,00                   | CLN                  | Lộc Thiện                       | 3.000                              |                     | 3.000           |                                    | Thông báo số 107/TB-UBND ngày 05/3/2021 của UBND tỉnh  |         |
| 26  | Khu sân chơi, bãi tập trường Tiểu học Lộc Thiện | 0,50                   | CLN                  | Lộc Thiện                       | 300                                |                     | 300             |                                    | Thông báo số 107/TB-UBND ngày 05/3/2021 của UBND tỉnh  |         |
| 27  | Mở rộng Trường THCS Lộc Thiện                   | 0,50                   | CLN                  | Lộc Thành                       | 300                                |                     | 300             |                                    | Thông báo số 107/TB-UBND ngày 05/3/2021 của UBND tỉnh  |         |
| 28  | Trường tiểu học và THCS Lộc Phú                 | 3,40                   | CLN                  | Lộc Phú                         | 2.040                              |                     | 2.040           |                                    | Thông báo số 137/TB-UBND ngày 21/9/2020 của UBND huyện |         |
| 29  | Đường ấp Tân Bình 1                             | 0,81                   | CLN                  | Lộc Thành                       | 486                                |                     | 486             |                                    | Thông báo số 107/TB-UBND ngày 05/3/2021 của UBND tỉnh  |         |



| STT | Tên dự án  | Diện tích thu hồi (ha) | Loại đất thu hồi (*) | Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)     | Số tiền để bồi thường (triệu đồng) | Nguồn vốn thực hiện |                 |                                    | Căn cứ pháp lý   | Ghi chú |
|-----|--|------------------------|----------------------|-------------------------------------|------------------------------------|---------------------|-----------------|------------------------------------|--|---------|
|     |  |                        |                      |                                     |                                    | Ngân sách tỉnh      | Ngân sách huyện | Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...) |  |         |
| 30  | Đường ấp Lộc Bình 1 - Lộc Bình 2   | 1,35                   | CLN                  | Lộc Thành                           | 810                                |                     | 810             |                                    | Thông báo số 107/TB-UBND ngày 05/3/2021 của UBND tỉnh    |         |
| 31  | Sân bóng ấp 8  | 2,00                   | CLN                  | Lộc Điền                            | 1.200                              |                     | 1.200           |                                    | Thông báo số 107/TB-UBND ngày 05/3/2021 của UBND tỉnh    |         |
| 32  | Dự án cơ sở hạ tầng nông thôn phát triển sản xuất nông nghiệp                    | 0,45                   | CLN                  | Lộc Thạnh                           | 100                                | 100                 |                 |                                    | Quyết định số 989/QĐ-UBND ngày 26/4/2017 của UBND tỉnh   |         |
| 33  | Sân vận động, Nhà thi đấu đa năng huyện  | 20,00                  | CLN                  | Lộc Thái                            | 12.000                             |                     | 12.000          |                                    | Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 10/5/2021 của UBND huyện |         |
| 34  | Cụm Quân báo - QK7   | 5,00                   | CLN                  | Lộc Tấn                             | 3.000                              | 3.000               |                 |                                    | Quyết định số 1980/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 của UBND tỉnh  |         |
| 35  | Điểm dừng chân trong hành trình cứu nước của Thủ tướng Campuchia (X16)           | 5,00                   | RSX                  | Lộc Tấn                             | 900                                | 900                 |                 |                                    | Quyết định số 1188/QĐ-UBND ngày 16/4/2021 của UBND huyện |         |
| 36  | Đường vào điểm dừng chân trong hành trình cứu nước của Thủ tướng Campuchia (X16) | 15,00                  | CLN                  | Lộc Tấn                             | 9.000                              | 9.000               |                 |                                    | Công văn số 38A/HĐND ngày 08/02/2021 của HĐND tỉnh       |         |
| 37  | Đường phía đông QL 13  | 97,50                  | CLN                  | Lộc Thịnh,<br>Lộc Hưng,<br>Lộc Thái | 58.500                             | 58.500              |                 |                                    | Quyết định số 3308/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh |         |



| STT | Tên dự án                                   | Diện tích thu hồi (ha) | Loại đất thu hồi (*) | Địa điểm thực hiện (đến cấp xã) | Số tiền để bồi thường (triệu đồng) | Nguồn vốn thực hiện |                 |                                    | Căn cứ pháp lý   | Ghi chú |
|-----|---|------------------------|----------------------|---------------------------------|------------------------------------|---------------------|-----------------|------------------------------------|--|---------|
|     |   |                        |                      |                                 |                                    | Ngân sách tỉnh      | Ngân sách huyện | Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...) |  |         |
| 38  | Điểm đầu súng                               | 1,00                   | RSX                  | Lộc Thạnh                       | 180                                | 180                 |                 |                                    | Quyết định số 1189/QĐ-UBND ngày 16/4/2021 của UBND huyện     |         |
| 39  | Nhà văn hóa ấp 9                            | 1,32                   | CLN                  | Lộc Điền                        | 792                                |                     | 792             |                                    | Thông báo số 107/TB-UBND ngày 05/3/2021 của UBND tỉnh        |         |
| 40  | Trường Tiểu học - Trung học cơ sở Lộc Khánh | 0,80                   | CLN                  | Lộc Khánh                       | 480                                |                     | 480             |                                    | Thông báo số 2139-TB/HU ngày 26/6/2019 của Huyện ủy Lộc Ninh |         |
| 41  | Khu Dân cư ấp Cần Lê                        | 12,00                  | CLN                  | Lộc Khánh                       | 7.200                              |                     | 7.200           |                                    | Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 01/2/2021 của HĐND             |         |
| 42  | Đường tổ 4 ấp Chà Đôn đi ấp Cần Lê          | 1,20                   | CLN                  | Lộc Khánh                       | 720                                |                     | 720             |                                    | Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 01/02/2021 của HĐND huyện      |         |
| 43  | Đường tránh khu di tích lịch sử Bồn Xăng    | 1,00                   | CLN                  | Lộc Quang                       | 600                                |                     | 600             |                                    | Công văn số 265/UBND-KT ngày 09/3/2021 của UBND huyện        |         |
| 44  | Điểm dừng chân của Thủ tướng Campuchia      | 1,00                   | RSX                  | Lộc Thạnh                       | 180                                |                     |                 | 180                                | Quyết định số 1189/QĐ-UBND ngày 16/4/2021 của UBND huyện     |         |
| 45  | Đường vành đai thị trấn Lộc Ninh            | 1,00                   | CLN                  | thị trấn Lộc Ninh               | 1.500                              |                     | 1.500           |                                    | Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 10/5/2021 của UBND huyện     |         |
| 46  | Đường từ QL13 đến chợ Lộc Hòa               | 2,00                   | CLN                  | Lộc Hòa                         | 1.200                              |                     | 1.200           |                                    | Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 10/5/2021 của UBND huyện     |         |



| STT | Tên dự án   | Diện tích thu hồi (ha) | Loại đất thu hồi (*) | Địa điểm thực hiện (đến cấp xã) | Số tiền để bồi thường (triệu đồng) | Nguồn vốn thực hiện |                 |                                    | Căn cứ pháp lý   | Ghi chú |
|-----|---|------------------------|----------------------|---------------------------------|------------------------------------|---------------------|-----------------|------------------------------------|--|---------|
|     |   |                        |                      |                                 |                                    | Ngân sách tỉnh      | Ngân sách huyện | Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...) |  |         |
| 47  | Khu dân cư ấp 11A   | 24,00                  | CLN                  | Lộc Thiện                       | 14.400                             |                     | 14.400          |                                    | Thông báo số 107/TB-UBND ngày 05/3/2021 của UBND tỉnh    |         |
| 48  | Khu trung tâm văn hóa, thể thao, dân cư ngã tư Mũi Tôn ấp Măng Cai  | 25,00                  | CLN                  | Lộc Thiện                       | 15.000                             |                     | 15.000          |                                    | Thông báo số 107/TB-UBND ngày 05/3/2021 của UBND tỉnh    |         |
| 49  | Khu dân cư ấp Cây Chặt giai đoạn 1 kết hợp nhà ở xã hội của Công ty cao su  | 35,00                  | CLN                  | Lộc Tấn                         | 21.000                             |                     | 21.000          |                                    | Thông báo số 107/TB-UBND ngày 05/3/2021 của UBND tỉnh    |         |
| 50  | Khu Trung tâm hành chính, công trình văn hóa, giáo dục, thể thao, bến xe, dân cư Lộc Thái kết hợp Nhà ở xã hội của Công ty Cao su | 35,00                  | CLN                  | Lộc Thái                        | 21.000                             |                     | 21.000          |                                    | Thông báo số 107/TB-UBND ngày 05/3/2021 của UBND tỉnh    |         |
| 51  | Đường giao thông phía tây QL 13 kết nối Chợ Thành - Hoa Lư (thu hồi bổ sung đoạn tuyến đường từ 13B đến khu vực X16)              | 29,87                  | CLN, ONT             | Lộc Tấn                         | 9.000                              |                     |                 | 9.000                              | Quyết định số 387/QĐ-UBND ngày 08/02/2021 của UBND tỉnh  |         |
| 52  | Xây dựng Cầu dân sinh trên địa bàn tỉnh Bình Phước  | 0,51                   | CLN, ONT             | Lộc Khánh, lộc Phú, Lộc Quang   | 1.000                              | 1.000               |                 |                                    | Quyết định số 3282/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của UBND tỉnh |         |



| STT | Tên dự án  | Diện tích thu hồi (ha) | Loại đất thu hồi (*) | Địa điểm thực hiện (đến cấp xã) | Số tiền để bồi thường (triệu đồng) | Nguồn vốn thực hiện |                 |                                    | Căn cứ pháp lý   | Ghi chú |
|-----|--|------------------------|----------------------|---------------------------------|------------------------------------|---------------------|-----------------|------------------------------------|--|---------|
|     |  |                        |                      |                                 |                                    | Ngân sách tỉnh      | Ngân sách huyện | Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...) |  |         |
| 53  | Dự án xây dựng hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư (giai đoạn 2) và xây dựng các tuyến đường còn lại, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước | 183,00                 | CLN+SON              | Lộc Thịnh                       | 74.000                             | 74.000              |                 |                                    | Quyết định số 3308/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh         |         |
| 54  | Dự án xây dựng hạ tầng khu thương mại - công nghiệp - dịch vụ 03 cửa khẩu quốc gia: Hoàng Diệu, Tân Thành, Lộc Thịnh                         | 57,00                  | CLN+SON              | Lộc Ninh                        | 100.000                            |                     |                 | 100.000                            | Quyết định số 3308/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh         |         |
| 55  | Dự án cụm công trình thủy lợi các huyện biên giới tỉnh Bình Phước  | 140,00                 | CLN+SON+ONT          | Lộc Ninh                        | 112.000                            |                     |                 | 112.000                            | Quyết định số 5028/QĐ-BNN-XD ngày 10/12/2020 của Bộ NN và PTNT   |         |
| 56  | Dự án hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu - thành phần tỉnh Bình Phước (ADB9)   | 10,00                  | CLN+SON+ONT          | Lộc Ninh                        | 7.000                              | 3.000               |                 | 4.000                              | Công văn số 148/TTg-QHQT ngày 02/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ |         |
| 57  | Nâng cấp, mở rộng QL13 đoạn từ ngã 3 Lộc Tấn đến cửa khẩu quốc tế Hoa Lư   | 48,00                  | CLN+ONT+DGT          | Lộc Hòa, Lộc Thạnh, Lộc Tấn     | 16.000                             |                     |                 | 16.000                             | Quyết định số 2295/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của UBND tỉnh         |         |



| STT        | Tên dự án  | Diện tích thu hồi (ha) | Loại đất thu hồi (*) | Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)  | Số tiền để bồi thường (triệu đồng) | Nguồn vốn thực hiện |                 |                                    | Căn cứ pháp lý   | Ghi chú |
|------------|--|------------------------|----------------------|----------------------------------|------------------------------------|---------------------|-----------------|------------------------------------|--|---------|
|            |  |                        |                      |                                  |                                    | Ngân sách tỉnh      | Ngân sách huyện | Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...) |  |         |
| 58         | Dự án: Xây dựng nhà làm việc và nhà ở cho các lực lượng chức năng tại cửa khẩu, lối mở trên địa bàn tỉnh | 3,20                   | CLN                  | Lộc Thịnh và Lộc Tấn             | 1.000                              | 1.000               |                 |                                    | Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh   |         |
| <b>VII</b> | <b>Huyện Bù Đăng</b>   | <b>228,38</b>          |                      |                                  |                                    |                     |                 |                                    |  |         |
| 1          | Nghĩa địa Đắc Nhau   | 3,07                   | CLN                  | Đắc Nhau                         | 997                                |                     | 997             |                                    | Quyết định số 1776/QĐ-UBND ngày 17/08/2015 của UBND tỉnh |         |
| 2          | Chợ Đức Liễu   | 0,58                   | CLN                  | Đức Liễu                         | 291                                |                     | 291             |                                    | Quyết định số 482/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh   |         |
| 3          | Đường từ QL14 Đức Liễu đi ĐT755 Thống Nhất   | 6,60                   | CLN; ONT             | Đức Liễu, Nghĩa Bình, Thống Nhất | 60.000                             | 60.000              |                 |                                    | Quyết định số 2827/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND tỉnh |         |
| 4          | Xây dựng trường mẫu giáo Hoa Lan Đồng Nai, huyện Bù Đăng   | 1,00                   | CLN                  | Đồng Nai                         | 20.000                             | 20.000              |                 |                                    | Quyết định số 1645/QĐ-UBND ngày 21/7/2020 của UBND tỉnh  |         |
| 5          | Xây dựng trường mẫu giáo Hoa Phượng Thọ Sơn, huyện Bù Đăng   | 1,00                   | CLN                  | Thọ Sơn                          | 20.000                             | 20.000              |                 |                                    | Quyết định số 1645/QĐ-UBND ngày 21/7/2020 của UBND tỉnh  |         |



| STT | Tên dự án   | Diện tích thu hồi (ha) | Loại đất thu hồi (*) | Địa điểm thực hiện (đến cấp xã) | Số tiền để bồi thường (triệu đồng) | Nguồn vốn thực hiện |                 |                                    | Căn cứ pháp lý   | Ghi chú |
|-----|---|------------------------|----------------------|---------------------------------|------------------------------------|---------------------|-----------------|------------------------------------|--|---------|
|     |   |                        |                      |                                 |                                    | Ngân sách tỉnh      | Ngân sách huyện | Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...) |  |         |
| 6   | Bãi rác cụm Đắc Nhau, Đường 10  | 1,30                   | CLN                  | Đắc Nhau                        | 2.000                              |                     | 2.000           |                                    | Quyết định số 403/QĐ-UBND ngày 08/02/2021 của UBND tỉnh            |         |
| 7   | Dự án thủy điện Đắc R'lấp 3   | 20,12                  | RPH                  | Đồng Nai                        |                                    |                     |                 | Vốn doanh nghiệp                   | Công văn số 2452/VPUBND-TH ngày 25/9/2020 của Văn phòng UBND tỉnh  |         |
| 8   | GPMB trường bắn Bù Đăng và xây dựng 02 kho cất chứa mìn công binh (thuộc dự án Trường bắn BCHQS Bù Đăng 62,50 ha) | 24,00                  | CLN                  | Đoàn Kết                        |                                    |                     |                 |                                    | Công văn số 480/BCH-HC ngày 26/02/2021 của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh |         |
| 9   | Nhà máy thủy điện Đức Thành (TĐ Trường Sơn Bình Phước)  | 29,02                  | CLN                  | Thống Nhất, Phước Sơn, Đồng Nai |                                    |                     |                 | Vốn doanh nghiệp                   | Quyết định số 1204/QĐ-UBND ngày 7/6/2019 của UBND tỉnh             |         |
| 10  | Xây dựng mới Mũi giáo Sơn Ca  | 1,00                   | CLN                  | Thống Nhất                      |                                    |                     |                 |                                    | Quyết định số 482/QĐ-UBND ngày 12/03/2018 của UBND tỉnh            |         |





| STT | Tên dự án   | Diện tích thu hồi (ha) | Loại đất thu hồi (*)             | Địa điểm thực hiện (đến cấp xã) | Số tiền để bồi thường (triệu đồng) | Nguồn vốn thực hiện |                 |                                    | Căn cứ pháp lý   | Ghi chú |
|-----|---|------------------------|----------------------------------|---------------------------------|------------------------------------|---------------------|-----------------|------------------------------------|--|---------|
|     |   |                        |                                  |                                 |                                    | Ngân sách tỉnh      | Ngân sách huyện | Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...) |  |         |
| 11  | Di dời các hộ dân dọc QL14 tại thôn 3 - Minh Hưng nằm trong diện tích đất của Công ty TNHH Sài Gòn - Bình Phước được UBND tỉnh giao về UBND huyện Bù Đăng quản lý | 1,04                   | ONT: 0,04<br>CLN: 1,00           | Minh Hưng                       |                                    |                     |                 |                                    | Quyết định số 1364/QĐ-UBND ngày 20/7/2019 của UBND tỉnh            |         |
| 12  | Nghĩa trang công nhân Nông trường Minh Hưng   | 2,00                   | CLN                              | Minh Hưng                       |                                    |                     |                 | Vốn doanh nghiệp                   | Công văn số 983/CSPR-KTNN ngày 17/12/2019 của Công ty CSPR         |         |
| 13  | Tôn tạo Khu di tích Thác Đứng   | 20,00                  | DDT, CLN                         | Minh Hưng, Đoàn Kết             |                                    |                     |                 |                                    | Thông báo số 255/TB-UBND ngày 21/5/2020 của UBND tỉnh              |         |
| 14  | Nâng cấp, mở rộng ĐT.753 B nối Đồng Phú - Bình Dương  | 13,80                  | CLN: 2,<br>ONT: 0,7<br>DGT: 10,6 | Nghĩa Trung                     |                                    |                     |                 |                                    | Quyết định số 2820/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh           |         |
| 15  | Nâng cấp, mở rộng ĐT.755 từ Đức Phong đi Lam Sơn  | 21,60                  | CLN,ONT,<br>DGT (17,9)           | Nghĩa Trung, Thống Nhất         |                                    |                     |                 |                                    | Quyết định số 944/QĐ-UBND ngày 26/4/2017 của UBND tỉnh             |         |
| 16  | Nghĩa trang công nhân Nông trường Thọ Sơn   | 2,00                   | CLN                              | Phú Sơn                         |                                    |                     |                 | Vốn doanh nghiệp                   | Công văn số 983/CSPR-KTNN ngày 17/12/2019 của Công ty CSPR         |         |
| 17  | Vùng lõi căn cứ HCKT  | 30,00                  | CLN                              | Thống Nhất                      |                                    |                     |                 |                                    | Công văn số 480/BCH-HC ngày 26/02/2021 của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh |         |



| STT | Tên dự án   | Diện tích thu hồi (ha) | Loại đất thu hồi (*) | Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)                                       | Số tiền để bồi thường (triệu đồng) | Nguồn vốn thực hiện |                 |                                    | Căn cứ pháp lý   | Ghi chú |
|-----|---|------------------------|----------------------|---|------------------------------------|---------------------|-----------------|------------------------------------|--|---------|
|     |   |                        |                      |   |                                    | Ngân sách tỉnh      | Ngân sách huyện | Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...) |  |         |
| 18  | Mở rộng trường THCS Thống Nhất                        | 0,30                   | CLN                  | Thống Nhất  |                                    |                     |                 |                                    | Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh                                      |         |
| 19  | Mở rộng trường TH Tô Vĩnh Diện                        | 0,80                   | CLN                  | Bình Minh   | 250                                |                     | 250             |                                    | Quyết định số 403/QĐ-UBND ngày 08/02/2021  |         |
| 20  | Mở rộng trường TH Nguyễn Văn Trỗi, thôn 4, Thống Nhất | 0,50                   | ONT: 0,05, CLN: 0,45 | Thống Nhất  | 1.500                              |                     | 1.500           |                                    | Kết luận số 30/TB-UBND ngày 03/02/2021 của UBND huyện, Quyết định số 403/QĐ-UBND ngày 08/02/2021 |         |
| 21  | Khu dân cư Đăng Hà                                    | 1,00                   |                      | Đăng Hà   | 3.000                              |                     | 3.000           |                                    | Quyết định số 403/QĐ-UBND ngày 08/02/2021  |         |
| 22  | Quy hoạch xây dựng Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi    | 1,50                   | CLN                  | Thống Nhất  | 1.500                              |                     | 1.500           |                                    | Kết luận số 24-KL/HU ngày 08/4/2021 của Ban Thường vụ Huyện ủy                                   |         |
| 23  | Đường từ Phước Sơn đi Đồng Nai                        | 10,00                  | CLN                  | Phước Sơn, Đồng Nai   |                                    |                     | 15.000          |                                    | Quyết định số 2827/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND tỉnh   |         |
| 24  | Xây dựng Cầu dân sinh trên địa bàn tỉnh Bình Phước    | 1,07                   | ONT+CLN+ DGT+DTL     | Phú Sơn, Đường 10, Thống Nhất, Bom Bo, Bình Minh, Nghĩa Bình, Thọ Sơn | 2.000                              | 2.000               |                 |                                    | Quyết định số 3282/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của UBND tỉnh   |         |



| STT | Tên dự án   | Diện tích thu hồi (ha) | Loại đất thu hồi (*) | Địa điểm thực hiện (đến cấp xã) | Số tiền để bồi thường (triệu đồng) | Nguồn vốn thực hiện |                 |                                    | Căn cứ pháp lý   | Ghi chú |
|-----|---|------------------------|----------------------|---------------------------------|------------------------------------|---------------------|-----------------|------------------------------------|--|---------|
|     |   |                        |                      |                                 |                                    | Ngân sách tỉnh      | Ngân sách huyện | Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...) |  |         |
| 25  | Mở rộng chợ Bù Na   | 0,80                   | CLN; ONT             | Nghĩa Trung                     |                                    |                     |                 | Vốn doanh nghiệp                   | Công văn số 1083/STNMT-CCQLĐĐ ngày 05/5/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường           |         |
| 26  | Xây dựng đường liên từ Bình Minh đi Minh Hưng (tuyến trong)   | 6,30                   | CLN; ONT             | Bình Minh; Minh Hưng            | 30.000                             | 30.000              |                 |                                    | Quyết định số 1645/QĐ-UBND ngày 21/7/2020 của UBND tỉnh                                |         |
| 27  | Xây dựng đường liên Phước Sơn - Đoàn Kết - Đồng Nai, huyện Bù Đăng  | 3,60                   | CLN; ONT             | Phước Sơn; Đoàn Kết; Đồng Nai   | 30.000                             | 30.000              |                 |                                    | Quyết định số 1645/QĐ-UBND ngày 21/7/2020 của UBND tỉnh                                |         |
| 28  | Xây dựng hệ thống kênh mương tưới tiêu cho cánh đồng Đăng Hà, huyện Bù Đăng                                     | 11,00                  | HNK                  | Đăng Hà                         | 75.000                             | 75.000              |                 |                                    | Quyết định số 1645/QĐ-UBND ngày 21/7/2020 của UBND tỉnh                                |         |
| 29  | Xây dựng trường mẫu giáo Hoa Phượng, Thọ Sơn, huyện Bù Đăng   | 1,00                   | CLN                  | Thọ Sơn                         | 20.000                             | 20.000              |                 |                                    | Quyết định số 1645/QĐ-UBND ngày 21/7/2020 của UBND tỉnh                                |         |
| 30  | Cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Bình Phước sử dụng vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2013 - 2020 | 0,39                   | CLN                  | Phú Sơn                         | 10.000                             | 10.000              |                 |                                    | Quyết định số 1153/QĐ-UBND ngày 04/6/2014 và Quyết định số 1992/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 |         |



| STT         | Tên dự án  | Diện tích thu hồi (ha) | Loại đất thu hồi (*) | Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)           | Số tiền để bồi thường (triệu đồng) | Nguồn vốn thực hiện |                 |                                    | Căn cứ pháp lý   | Ghi chú   |
|-------------|--|------------------------|----------------------|---|------------------------------------|---------------------|-----------------|------------------------------------|--|---|
|             |  |                        |                      |   |                                    | Ngân sách tỉnh      | Ngân sách huyện | Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...) |  |   |
| 31          | Khu dân cư Lý Thường Kiệt                        | 12,00                  | CLN; ODT             | Thị trấn Đức Phong                        | 50.000                             |                     | 50.000          |                                    | Quyết định số 766/QĐ-UBND ngày 24/4/2020 của UBND huyện                              |   |
| <b>VIII</b> | <b>Huyện Chơn Thành</b>                          | <b>294,54</b>          |                      |   |                                    |                     |                 |                                    |  |   |
| 1           | Đường dây 500kV mạch kép Thuận Nam - Chơn Thành  | 2,57                   | ONT+CLN              | Huyện Chơn Thành                          | 3.084                              |                     |                 | 3.084                              | Công văn số 9057/GPMB-PĐB ngày 30/9/2020 của Ban QLDA các công trình điện Miền Trung |   |
| 2           | Tuyến ĐH 15 (Nguyễn Văn Linh đi Minh Long)       | 41,30                  | CLN                  | Thị trấn Chơn Thành, Minh Long, Minh Hưng |                                    |                     |                 |                                    | Quyết định số 3029/QĐ-UBND ngày 30/8/2019 của UBND huyện Chơn Thành                  |   |
| 3           | Điểm bưu điện văn hóa Quang Minh - Bưu điện tỉnh | 0,10                   | DYT                  | thị trấn Chơn Thành                       |                                    |                     |                 |                                    | Tờ trình số 50/BĐBP-KHKD ngày 21/01/2021 của Bưu điện tỉnh                           | Đăng ký mới để có căn cứ thu hồi đất, giao đất  |
| 4           | Đường giao thông nông thôn tuyến N1              | 0,03                   | CLN                  | Minh Thành                                |                                    |                     |                 |                                    | Quyết định số 3797/QĐ-UBND ngày 28/12/2011 của UBND huyện Chơn Thành                 | Mở đường giao thông theo chương trình nông thôn mới do người dân tự nguyện hiến đất, không bồi thường |



| STT | Tên dự án                                      | Diện tích thu hồi (ha) | Loại đất thu hồi (*) | Địa điểm thực hiện (đến cấp xã) | Số tiền để bồi thường (triệu đồng) | Nguồn vốn thực hiện |                 |                                    | Căn cứ pháp lý   | Ghi chú  |
|-----|--|------------------------|----------------------|---------------------------------|------------------------------------|---------------------|-----------------|------------------------------------|--|--|
|     |  |                        |                      |                                 |                                    | Ngân sách tỉnh      | Ngân sách huyện | Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...) |  |  |
| 5   | Tuyến đường giao thông nông thôn               | 0,30                   | CLN                  | Minh Lập                        |                                    |                     |                 |                                    | Công văn số 395/UBND-KTN ngày 10/6/2020 của UBND huyện Chơn Thành                      | Mở rộng đường giao thông theo chương trình nông thôn mới do người dân tự nguyện hiến đất, không bồi thường |
| 6   | Tuyến đường ở ấp Cây Gõ                        | 1,60                   | CLN                  | Quang Minh                      |                                    |                     |                 |                                    | Quyết định số 2808/QĐ-UBND ngày 20/12/2011 của UBND huyện Chơn Thành                   | Mở rộng đường giao thông theo chương trình nông thôn mới do người dân tự nguyện hiến đất, không bồi thường |
| 7   | Tuyến đường tổ 7 ấp 1 (đường vào nhà anh Kiên) | 0,02                   | CLN                  | Minh Thắng                      |                                    |                     |                 |                                    | Quyết định số 2343/QĐ-UBND ngày 04/6/2019 QĐ 3058/QĐ-UBND ngày 04/9/2019               | Mở rộng đường giao thông theo chương trình nông thôn mới do người dân tự nguyện hiến đất, không bồi thường |
| 8   | Tuyến đường tổ 1B ấp 3                         | 0,05                   | CLN                  | Minh Thắng                      |                                    |                     |                 |                                    | Quyết định số 2343/QĐ-UBND ngày 04/6/2019 và Quyết định số 3058/QĐ-UBND ngày 04/9/2019 | Mở rộng đường giao thông theo chương trình nông thôn mới do người dân tự nguyện hiến đất, không bồi thường |



| STT | Tên dự án             | Diện tích thu hồi (ha) | Loại đất thu hồi (*) | Địa điểm thực hiện (đến cấp xã) | Số tiền để bồi thường (triệu đồng) | Nguồn vốn thực hiện |                 |                                    | Căn cứ pháp lý   | Ghi chú  |
|-----|-----------------------|------------------------|----------------------|---------------------------------|------------------------------------|---------------------|-----------------|------------------------------------|--|--|
|     |                       |                        |                      |                                 |                                    | Ngân sách tỉnh      | Ngân sách huyện | Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...) |  |  |
| 9   | Tuyến đường tổ 1 ấp 3 | 0,08                   | CLN                  | Minh Thắng                      |                                    |                     |                 |                                    | Quyết định số 2343/QĐ-UBND ngày 04/6/2019 và Quyết định số 3058/QĐ-UBND ngày 04/9/2019 | Mở rộng đường giao thông theo chương trình nông thôn mới do người dân tự nguyện hiến đất, không bồi thường |
| 10  | Tuyến đường tổ 6 ấp 3 | 0,003                  | CLN                  | Minh Thắng                      |                                    |                     |                 |                                    | Quyết định số 2343/QĐ-UBND ngày 04/6/2019 và Quyết định số 3058/QĐ-UBND ngày 04/9/2019 | Mở rộng đường giao thông theo chương trình nông thôn mới do người dân tự nguyện hiến đất, không bồi thường |
| 11  | Tuyến đường tổ 6 ấp 6 | 0,01                   | CLN                  | Minh Thắng                      |                                    |                     |                 |                                    | Quyết định số 2343/QĐ-UBND ngày 04/6/2019 QĐ 3058/QĐ-UBND ngày 04/9/2019               | Mở rộng đường giao thông theo chương trình nông thôn mới do người dân tự nguyện hiến đất, không bồi thường |
| 12  | Tuyến đường tổ 4 ấp 4 | 0,03                   | CLN                  | Minh Thắng                      |                                    |                     |                 |                                    | Quyết định số 3449/QĐ-UBND ngày 30/9/2005  | Mở rộng đường giao thông theo chương trình nông thôn mới do người dân tự nguyện hiến đất, không bồi thường |



| STT | Tên dự án   | Diện tích thu hồi (ha) | Loại đất thu hồi (*) | Địa điểm thực hiện (đến cấp xã) | Số tiền để bồi thường (triệu đồng) | Nguồn vốn thực hiện |                 |                                    | Căn cứ pháp lý  | Ghi chú  |
|-----|---|------------------------|----------------------|---------------------------------|------------------------------------|---------------------|-----------------|------------------------------------|---|--|
|     |   |                        |                      |                                 |                                    | Ngân sách tỉnh      | Ngân sách huyện | Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...) |   |  |
| 13  | Tuyến đường phục hồi theo đơn kiến nghị ông Hà Văn Cư (thị trấn Chơn Thành), ông Thái Hữu Hùng (Minh Long) và bà Lê Thị Nho (thị trấn Chơn Thành) | 0,03                   | CLN                  | thị trấn Chơn Thành, Minh Long  |                                    |                     |                 |                                    | Thông báo số 336/TB-UBND ngày 24/12/2019 của UBND huyện           | Phục hồi đường giao thông theo đơn kiến nghị của hộ gia đình, cá nhân, trên cơ sở giấy chứng nhận quyền sử dụng đã cấp trước đây |
| 14  | Phục hồi từ mương thành đường theo đơn ông Nguyễn Văn Tới   | 0,19                   | CLN                  | Thị trấn Chơn Thành             |                                    |                     |                 |                                    | Công văn số 61/UBND-KTN ngày 05/02/2020 của UBND huyện            | Phục hồi đường giao thông theo đơn kiến nghị của hộ gia đình, cá nhân, trên cơ sở giấy chứng nhận quyền sử dụng đã cấp trước đây |
| 15  | Công nhận phục hồi đường ông Bùi Văn Dối (khu phố 5)  | 0,26                   | CLN                  | Thị trấn Chơn Thành             |                                    |                     |                 |                                    | Công văn số 921/UBND-KTN của UBND huyện                           | Phục hồi đường giao thông theo đơn kiến nghị của hộ gia đình, cá nhân, trên cơ sở giấy chứng nhận quyền sử dụng đã cấp trước đây |
| 16  | Tuyến đường tổ 9 ấp 12  | 0,11                   | CLN                  | Minh Hưng                       |                                    |                     |                 |                                    | Công văn số 521/UBND-KTN ngày 21/7/2020 của UBND huyện Chơn Thành | Phục hồi đường giao thông theo đơn kiến nghị của hộ gia đình, cá nhân, trên cơ sở giấy chứng nhận quyền sử dụng đã cấp trước đây |



| STT | Tên dự án              | Diện tích thu hồi (ha) | Loại đất thu hồi (*) | Địa điểm thực hiện (đến cấp xã) | Số tiền để bồi thường (triệu đồng) | Nguồn vốn thực hiện |                 |                                    | Căn cứ pháp lý   | Ghi chú  |
|-----|------------------------|------------------------|----------------------|---------------------------------|------------------------------------|---------------------|-----------------|------------------------------------|--|--|
|     |                        |                        |                      |                                 |                                    | Ngân sách tỉnh      | Ngân sách huyện | Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...) |  |  |
| 17  | Tuyến đường ấp 7       | 0,15                   | CLN                  | Minh Hưng                       |                                    |                     |                 |                                    | Công văn số 150/UBND-KTN ngày 18/3/2020 của UBND huyện Chơn Thành  | Phục hồi đường giao thông theo đơn kiến nghị của hộ gia đình, cá nhân, trên cơ sở giấy chứng nhận quyền sử dụng đã cấp trước đây |
| 18  | Tuyến đường ấp 6       | 0,08                   | CLN                  | Minh Hưng                       |                                    |                     |                 |                                    | Công văn số 149/UBND-KTN ngày 18/3/2020 của UBND huyện             | Phục hồi đường giao thông theo đơn kiến nghị của hộ gia đình, cá nhân, trên cơ sở giấy chứng nhận quyền sử dụng đã cấp trước đây |
| 19  | Tuyến đường tổ 9 ấp 12 | 0,01                   | CLN                  | Minh Hưng                       |                                    |                     |                 |                                    | Công văn số 920/UBND-KTN ngày 30/12/2019 của UBND huyện            | Phục hồi đường giao thông theo đơn kiến nghị của hộ gia đình, cá nhân, trên cơ sở giấy chứng nhận quyền sử dụng đã cấp trước đây |
| 20  | Tuyến đường ấp 2       | 0,22                   | CLN                  | Minh Hưng                       |                                    |                     |                 |                                    | Công văn số 148/UBND-KTN ngày 18/03/2020 của UBND huyện Chơn Thành | Phục hồi đường giao thông theo đơn kiến nghị của hộ gia đình, cá nhân, trên cơ sở giấy chứng nhận quyền sử dụng đã cấp trước đây |



| STT | Tên dự án  | Diện tích thu hồi (ha) | Loại đất thu hồi (*)    | Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)                           | Số tiền để bồi thường (triệu đồng) | Nguồn vốn thực hiện |                 |                                    | Căn cứ pháp lý   | Ghi chú  |
|-----|--|------------------------|-------------------------|---|------------------------------------|---------------------|-----------------|------------------------------------|--|--|
|     |  |                        |                         |   |                                    | Ngân sách tỉnh      | Ngân sách huyện | Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...) |  |  |
| 21  | Tuyến đường ấp 9   | 0,12                   | CLN                     | Minh Hưng   |                                    |                     |                 |                                    | Công văn số 15/UBND-KTN ngày 10/01/2020 của UBND huyện Chơn Thành  | Phục hồi đường giao thông theo đơn kiến nghị của hộ gia đình, cá nhân, trên cơ sở giấy chứng nhận quyền sử dụng đã cấp trước đây |
| 22  | Nâng cấp MR QL 14 và ĐT.751 đoạn Đồng Xoài - Chơn Thành          | 92,80                  | CLN, ONT, ODT           | Minh Lập, Minh Thắng, Nha Bích, Minh Thành, TT Chơn Thành | 450.000                            | 450.000             |                 |                                    | Công văn số 1053/SKHĐT-ĐT ngày 28/5/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư |  |
| 23  | Dự án Xây dựng đường phía Tây QL13 kết nối Bàu Bàng              | 44,00                  | CLN+DGT+ONT+TSN+DTL     | Minh Long, Thành Tâm                                      | 22.000                             | 22.000              |                 |                                    | Quyết định số 1328/QĐ-UBND ngày 24/5/2021 của UBND tỉnh Bình Phước |  |
| 24  | Dự án Đường kết nối các khu công nghiệp khu vực huyện Chơn Thành | 18,00                  | CLN, ONT, ODT, DGT, DTL | Minh Hưng, Minh Thành                                     | 50.000                             | 50.000              |                 |                                    | Công văn số 1053/SKHĐT-ĐT ngày 28/5/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư |  |
| 25  | Dự án GPMB cao tốc HCM - Thủ Dầu Một - Chơn Thành                | 64,00                  | CLN+DGT+ONT             | Thành Tâm, TT. Chơn Thành                                 | 64.000                             | 64.000              |                 |                                    | Kế hoạch số 01-KH/BCN73 ngày 19/01/2021 của Tỉnh ủy                |  |



| STT | Tên dự án   | Diện tích thu hồi (ha) | Loại đất thu hồi (*)        | Địa điểm thực hiện (đến cấp xã) | Số tiền để bồi thường (triệu đồng) | Nguồn vốn thực hiện |                 |                                    | Căn cứ pháp lý   | Ghi chú  |
|-----|---|------------------------|-----------------------------|---------------------------------|------------------------------------|---------------------|-----------------|------------------------------------|--|--|
|     |   |                        |                             |                                 |                                    | Ngân sách tỉnh      | Ngân sách huyện | Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...) |  |  |
| 26  | Dự án hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu - thành phần tỉnh Bình Phước (ADB)                           | 6,00                   | CLN+DGT+ONT                 | Minh Long, Minh Tâm             | 7.000                              | 7.000               |                 | 4.000                              | Công văn số 148/TTg-QHQT ngày 02/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ |  |
| 27  | Tuyến đường tổ 5, ấp 8  | 0,09                   | CLN                         | Minh Hưng                       |                                    |                     |                 |                                    | Công văn số 780/UBND-KTN ngày 08/11/2020 của UBND huyện          | Phục hồi đường giao thông theo đơn kiến nghị của hộ gia đình, cá nhân, trên cơ sở giấy chứng nhận quyền sử dụng đã cấp trước đây |
| 28  | Xây dựng mương thoát nước và đường giao thông ngoài Khu công nghiệp và Khu dân cư Becamex Bình Phước (giai đoạn II) | 12,27                  | DGD+CLN+ODT+TMD+RSX+SON+DGT | Minh Thành                      | 17.400                             | 17.400              |                 |                                    | Quyết định số 2025/QĐ-UBND ngày 20/8/2020 của UBND tỉnh          |  |
| 29  | Trại tạm giam Công an tỉnh  | 10,00                  | CLN                         | Minh Lập                        |                                    |                     |                 |                                    | Công văn số 1175/UBND-KT ngày 13/4/2021 của UBND tỉnh            |  |



| STT | Tên dự án   | Diện tích thu hồi (ha) | Loại đất thu hồi (*) | Địa điểm thực hiện (đến cấp xã) | Số tiền để bồi thường (triệu đồng) | Nguồn vốn thực hiện |                 |                                    | Căn cứ pháp lý  | Ghi chú  |
|-----|---|------------------------|----------------------|---------------------------------|------------------------------------|---------------------|-----------------|------------------------------------|---|--|
|     |   |                        |                      |                                 |                                    | Ngân sách tỉnh      | Ngân sách huyện | Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...) |   |  |
| 30  | Đường giao thông nông thôn tổ 6, ấp 1                     | 0,13                   | CLN                  | Minh Lập                        |                                    |                     |                 |                                    | Công văn số 395/UBND-TD ngày 10/6/2020 của UBND huyện Chơn Thành    | Phục hồi đường giao thông theo đơn kiến nghị của hộ gia đình, cá nhân, trên cơ sở giấy chứng nhận quyền sử dụng đã cấp trước đây |
| IX  | Huyện Phú Riềng   | 336,90                 |                      |                                 |                                    |                     |                 |                                    |   |  |
| 1   | Nâng cấp, sửa chữa đường liên Bình Tân đi Phước Tân       | 0,79                   | CLN                  | Bình Tân                        | không bồi thường về đất            |                     |                 |                                    | Quyết định số 564/QĐ-UBND ngày 13/04/2021 của UBND huyện Phú Riềng  | Người dân tự nguyện trả lại đất  |
| 2   | Nâng cấp, sửa chữa đường liên Long Bình đi Bình Sơn       | 4,5                    | CLN                  | Bình Tân                        | không bồi thường về đất            |                     |                 |                                    | Quyết định số 639/QĐ-UBND ngày 22/4/2021 của UBND huyện             |  |
| 3   | Bãi rác tập trung huyện Phú Riềng                         | 35,75                  | CLN                  | Bình Tân                        | không bồi thường về đất            |                     |                 |                                    | Công văn số 1393/UBND-SX ngày 21/10/2020 của huyện Phú Riềng        | Thu hồi đất Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng  |
| 4   | Đường trục chính khu Trung tâm hành chính huyện Phú Riềng | 2,9                    | CLN; NTS             | Bù Nho                          | 13.000                             |                     | 13.000          |                                    | Quyết định số 2585/QĐ-UBND ngày 17/10/2017 của UBND huyện Phú Riềng |  |



| STT | Tên dự án  | Diện tích thu hồi (ha) | Loại đất thu hồi (*) | Địa điểm thực hiện (đến cấp xã) | Số tiền để bồi thường (triệu đồng) | Nguồn vốn thực hiện |                 |                                    | Căn cứ pháp lý   | Ghi chú |
|-----|--|------------------------|----------------------|---------------------------------|------------------------------------|---------------------|-----------------|------------------------------------|--|---------|
|     |  |                        |                      |                                 |                                    | Ngân sách tỉnh      | Ngân sách huyện | Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...) |  |         |
| 5   | San lấp mặt bằng và Xây dựng đường D9, D6, D5a Khu tái định cư TTHC huyện Phú Riềng          | 0,97                   | CLN                  | Bù Nho                          | 4.100                              |                     | 4.100           |                                    | Quyết định số 3425/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của UBND huyện Phú Riềng  |         |
| 6   | Xây dựng đường Tân Phú 1, D5a, D6 Khu tái định cư TTHC huyện Phú Riềng,                      | 0,12                   | CLN                  | Bù Nho                          | 600                                |                     | 600             |                                    | Quyết định số 3427/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của UBND huyện Phú Riềng  |         |
| 7   | Xây dựng đường D6, D5a (nối tiếp khu TĐC) TTHC huyện Phú Riềng,                              | 1,1                    | CLN                  | Bù Nho                          | 5.000                              |                     | 5.000           |                                    | Quyết định 3430/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của UBND huyện Phú Riềng     |         |
| 8   | Xây dựng đường N4 (từ ĐT741 - D7)  | 0,9                    | CLN                  | Bù Nho                          | 3.900                              |                     | 3.900           |                                    | Quyết định số 3432c/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của UBND huyện Phú Riềng |         |
| 9   | Xây dựng đường gom TTHC huyện Phú Riềng  | 0,2                    | CLN                  | Bù Nho                          | 1.000                              |                     | 1.000           |                                    | Quyết định số 3432/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của UBND huyện Phú Riềng  |         |
| 10  | Xây dựng vỉa hè, hệ thống thoát nước đường D7, D6b, D6c Trung tâm hành chính huyện Phú Riềng | 0,25                   | CLN                  | Bù Nho                          | 1.300                              |                     | 1.300           |                                    | Quyết định số 3346/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND huyện Phú Riềng  |         |



| STT | Tên dự án  | Diện tích thu hồi (ha) | Loại đất thu hồi (*) | Địa điểm thực hiện (đến cấp xã) | Số tiền để bồi thường (triệu đồng) | Nguồn vốn thực hiện |                 |                                    | Căn cứ pháp lý  | Ghi chú |
|-----|--|------------------------|----------------------|---------------------------------|------------------------------------|---------------------|-----------------|------------------------------------|---|---------|
|     |  |                        |                      |                                 |                                    | Ngân sách tỉnh      | Ngân sách huyện | Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...) |   |         |
| 11  | Xây dựng đường, hệ thống thoát nước, vỉa hè đường Tân Phú 1 (từ ĐT 741 - TBTH) trung tâm hành chính huyện Phú Riềng                        | 1,00                   | CLN                  | Bù Nho                          | 4.000                              |                     | 4.000           |                                    | Quyết định số 3125/QĐ-UBND ngày 29/10/2019 của UBND huyện Phú Riềng |         |
| 12  | Xây dựng đường, hệ thống thoát nước, vỉa hè đường D6 (từ N6 - N7), N6 (từ ĐT 741 - D5c; D6 - D9), D3e trung tâm hành chính huyện Phú Riềng | 0,3                    | CLN                  | Bù Nho                          | 1.500                              |                     | 1.500           |                                    | Quyết định số 3156/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của UBND huyện Phú Riềng |         |
| 13  | Đường từ Bù Nho đi Phước Tân, huyện Phú Riềng  | 0,5                    | CLN                  | Phước Tân                       | 2.000                              |                     | 2.000           |                                    | Quyết định 1174/QĐ-UBND ngày 03/6/2019 của UBND huyện Phú Riềng     |         |
| 14  | Xây dựng Công viên - Quảng trường trung tâm hành chính huyện Phú Riềng   | 6,83                   | CLN                  | Bù Nho                          | 10.000                             |                     | 10.000          |                                    | Nghị quyết số 94/NQ-HĐND ngày 28/7/2020 của HĐND huyện Phú Riềng    |         |
| 15  | Xây dựng đường từ Phú Trung đi Phước Tân, kết nối ĐH.312 với đường Thôn Đồng Tháp, Phước Tân, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước 759         | 27,0                   | CLN                  | Phú Trung Phước Tân             | 12.000                             |                     | 12.000          |                                    | Công văn số 1182/UBND-TH ngày 13/4/2021 của UBND tỉnh               |         |



| STT | Tên dự án   | Diện tích thu hồi (ha) | Loại đất thu hồi (*) | Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)                           | Số tiền để bồi thường (triệu đồng) | Nguồn vốn thực hiện |                 |                                    | Căn cứ pháp lý  | Ghi chú                               |
|-----|---|------------------------|----------------------|---|------------------------------------|---------------------|-----------------|------------------------------------|---|---------------------------------------|
|     |   |                        |                      |   |                                    | Ngân sách tỉnh      | Ngân sách huyện | Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...) |   |                                       |
| 16  | Vùng lõi căn cứ Hậu cần kỹ thuật  | 30,00                  | CLN                  | Long Tân  | 2.800                              |                     | 2.800           |                                    | Quyết định số 2467/QĐ-UBND ngày 01/10/2020 của UBND huyện Phú Riềng |                                       |
| 17  | Xây dựng đường giao thông nông thôn kết nối với đường hiện hữu<br>(thu hồi đất các hộ dân: Lê Đình Nga; Lê Thị Hồng Kim; Lê Văn Việt, Lê Thị Hồng Kỳ) | 0,02                   | CLN                  | Phú Riềng   | không bồi thường về đất            |                     |                 |                                    | Công văn số 946/UBND-SX ngày 25/7/2019 của huyện Phú Riềng          | Người dân tự nguyện trả lại đất       |
| 18  | Nhà văn hóa thôn Phước Tân  | 0,037                  | CLN                  | Bình Tân  | không bồi thường về đất            |                     |                 | UBND Bình Tân                      | Quyết định số 780/QĐ-UBND ngày 16/6/2020 của UBND huyện Phú Riềng   | Người dân tự nguyện trả lại đất       |
| 19  | Xây dựng Cầu dân sinh trên địa bàn tỉnh Bình Phước  | 5,65                   | CLN+DGT+ONT+SON      | Bình Tân, Long Hà, Long Tân, Long Hà, Phú Riềng, Bình Sơn | 2.000                              |                     |                 |                                    | Quyết định số 3282/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của UBND tỉnh            |                                       |
| 20  | Nhà văn hóa thôn Bình Hiếu  | 0,045                  | TIN                  | Bình Tân  | không bồi thường về đất            |                     |                 | UBND Bình Tân                      | Quyết định số 777/QĐ-UBND ngày 16/6/2020 của UBND huyện             | Người dân tự nguyện trả lại đất       |
| 21  | Nâng cấp sửa chữa đường liên Bình Tân đi Phước Tân  | 0,25                   | CLN                  | Bình Tân, Phước Tân                                       |                                    |                     |                 |                                    | Quyết định số 564/QĐ-UBND ngày 13/4/2021 của UBND huyện             | Đất Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng |



| STT      | Tên dự án   | Diện tích thu hồi (ha) | Loại đất thu hồi (*) | Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)                 | Số tiền để bồi thường (triệu đồng) | Nguồn vốn thực hiện |                 |                                    | Căn cứ pháp lý  | Ghi chú  |
|----------|---|------------------------|----------------------|---|------------------------------------|---------------------|-----------------|------------------------------------|---|--|
|          |   |                        |                      |   |                                    | Ngân sách tỉnh      | Ngân sách huyện | Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...) |   |  |
| 22       | Sân bay quân sự   | 300,00                 | CLN                  | Bình Tân  |                                    |                     |                 |                                    | Công văn số 125/BCHT-TM ngày 21/01/2015; Công văn 802/BCHH-TM ngày 10/10/2016 | Thu hồi đất Công ty Cao su nên không bồi thường về đất |
| 23       | Đường liên thôn Phước Hòa qua thôn Phước Tân                        | 0,9                    | CLN                  | Bình Tân  | không bồi thường về đất            |                     |                 | UBND Bình Tân                      | Công văn số 1067/UBND-SX ngày 20/8/2019 của UBND huyện Phú Riềng              | Người dân tự nguyện trả lại đất                        |
| <b>X</b> | <b>Huyện Đồng Phú</b>   | <b>427,12</b>          |                      |   |                                    |                     |                 |                                    |   |  |
| 1        | Trạm 110kV KCN Bắc Đồng Phú và nhánh rẽ Trạm 110kV KCN Bắc Đồng Phú | 0,58                   | ODT,ONT, CLN         | thị trấn Tân Phú, Tân Lợi                       | 1.000                              |                     |                 | 1.000                              | Công văn số 3284/PCBP-QLĐT ngày 22/10/2020 của Công ty Điện lực Bình Phước    |  |
| 2        | Đường dây 110kV Đồng Xoài - Phú Giáo                                | 1,1                    | ONT, CLN             | Tân Phước, Tân Hưng, Tân Lợi, Tân Tiến, Tân Lập | 1.000                              |                     |                 | 1.000                              | Công văn số 3284/PCBP-QLĐT ngày 22/10/2020 của Công ty Điện lực Bình Phước    |  |
| 3        | Dự án Xây dựng đường nối Đồng Tiến - Tân Phú nối dài đến Tân Lập    | 33,00                  | ONT+CLN+DGT+DTL      | Tân Lợi, Tân Tiến, Tân Lập                      | 38.000                             | 38.000              |                 |                                    | Quyết định số 1355/QĐ-UBND ngày 26/5/2021 của UBND tỉnh                       |  |
| 4        | Dự án Xây dựng đường kết nối ngang QL14 với tuyến ĐT.755 nối ĐT.753 | 45,00                  | ONT+CLN+DGT+DTL      | Đồng Tâm, Tân Phước                             | 20.000                             | 20.000              |                 |                                    | Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh                        |  |



| STT | Tên dự án  | Diện tích thu hồi (ha) | Loại đất thu hồi (*) | Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)                | Số tiền để bồi thường (triệu đồng) | Nguồn vốn thực hiện |                 |                                    | Căn cứ pháp lý   | Ghi chú |
|-----|--|------------------------|----------------------|--|------------------------------------|---------------------|-----------------|------------------------------------|--|---------|
|     |  |                        |                      |  |                                    | Ngân sách tỉnh      | Ngân sách huyện | Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...) |  |         |
| 5   | Dự án Xây dựng đường Đồng Xoài - Tân Lập (Vành đai phía Tây hồ Suối Giai)                                  | 28,83                  | ONT+CLN+DGT+DTL      | Tân Tiến, Tân lập, thị trấn Tân Phú            | 12.000                             | 12.000              |                 |                                    | Quyết định số 3283/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của UBND tỉnh |         |
| 6   | Dự án Xây dựng đường cặp theo đường dây 500kv đoạn Đồng Xoài - Đồng Phú                                    | 40,70                  | ODT+CLN+DGT+DTL+TSN  | Tiến Hưng, Tân Lợi, Tân Tiến, Thị trấn Tân Phú | 20.000                             | 20.000              |                 |                                    | Quyết định số 1272/QĐ-UBND ngày 18/5/2021 của UBND tỉnh  |         |
| 7   | Xây dựng Cầu dân sinh trên địa bàn tỉnh Bình Phước   | 1,68                   | ONT+CLN+DGT+DTL      | Tân Phước, Đồng Tâm, Đồng Tiến, Thuận Lợi,     | 2.000                              | 2.000               |                 |                                    | Quyết định số 3282/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của UBND tỉnh |         |
| 8   | Dự án Xây dựng tuyến kết nối ĐT753B với đường Đồng Phú - Bình Dương (đoạn Lam Sơn - Tân Phước)             | 31,60                  | ONT+CLN+DGT+DTL      | Tân Phước, Đồng Tâm                            | 30.000                             | 30.000              |                 |                                    | Quyết định số 1996/QĐ-UBND ngày 20/8/2020 của UBND tỉnh  |         |
| 9   | Tăng cường khả năng tiêu thoát lũ suối Rạt   | 110,00                 | ODT+CLN+DGT+SON+ONT  | Đồng Phú                                       | 90.000                             |                     |                 | 90.000                             |  |         |
| 10  | Dự án xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Nam Đồng Phú mở rộng | 1,00                   | CLN+DGT+ONT          | Tân Lập  | 5.000                              | 5.000               |                 |                                    | Quyết định số 3308/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh |         |



| STT | Tên dự án  | Diện tích thu hồi (ha) | Loại đất thu hồi (*) | Địa điểm thực hiện (đến cấp xã) | Số tiền để bồi thường (triệu đồng) | Nguồn vốn thực hiện |                 |                                    | Căn cứ pháp lý   | Ghi chú |
|-----|--|------------------------|----------------------|---------------------------------|------------------------------------|---------------------|-----------------|------------------------------------|--|---------|
|     |  |                        |                      |                                 |                                    | Ngân sách tỉnh      | Ngân sách huyện | Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...) |  |         |
| 11  | Dự án xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu đô thị dịch vụ và công nghiệp Đồng Phú | 5,00                   | CLN+DGT+ONT          | huyện Đồng Phú                  | 8.000                              | 8.000               |                 |                                    | Quyết định số 3308/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh         |         |
| 12  | Dự án hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu - thành phần tỉnh Bình Phước (ADB9)                       | 2,00                   | CLN+DGT+ONT          | Tân Phước                       | 7.000                              | 3.000               |                 | 4.000                              | Công văn số 148/TTg-QHQT ngày 02/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ |         |
| 13  | Đường tổ 8   | 0,02                   | ODT                  | Thị trấn Tân Phú                | 1.000                              |                     | 1.000           |                                    | Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh      |         |
| 14  | Đường tổ 10  | 0,02                   | ODT                  | Thị trấn Tân Phú                | 1.000                              |                     | 1.000           |                                    | Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh      |         |
| 15  | Mở rộng đường Đông Tây 9 (đất của ông Trần Văn Hoặc)   | 0,01                   | ODT +CLN             | Thị trấn Tân Phú                | 600                                |                     | 600             |                                    | Thông báo số 306/TB-UBND ngày 10/01/2020 của UBND huyện          |         |
| 16  | Dự án xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Nam Đồng Phú mở rộng       | 2,20                   | CLN+DGT+ONT          | Tân Lập                         | 5.000                              | 5.000               |                 |                                    | Quyết định số 3308/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh         |         |



| STT       | Tên dự án  | Diện tích thu hồi (ha) | Loại đất thu hồi (*)    | Địa điểm thực hiện (đến cấp xã) | Số tiền để bồi thường (triệu đồng) | Nguồn vốn thực hiện |                 |                                    | Căn cứ pháp lý   | Ghi chú |
|-----------|--|------------------------|-------------------------|---------------------------------|------------------------------------|---------------------|-----------------|------------------------------------|--|---------|
|           |  |                        |                         |                                 |                                    | Ngân sách tỉnh      | Ngân sách huyện | Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...) |  |         |
| 17        | Dự án xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu đô thị dịch vụ và công nghiệp Đồng Phú | 5,00                   | CLN+DGT+ONT             | huyện Đồng Phú                  | 8.000                              | 8.000               |                 |                                    | Quyết định số 3308/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh |         |
| 18        | Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây nam thành phố Đồng Xoài   | 13,20                  | CLN, ONT                | xã Tân Lập                      | 20.000                             |                     |                 | 20.000                             | Quyết định số 2178/QĐ-UBND ngày 18/10/2019 của UBND tỉnh |         |
| 19        | Xây dựng đường TTHC huyện Đồng Phú đến khu quy hoạch công nghiệp - thương mại - dịch vụ Becamex Bình             | 33,60                  | ONT, ODT, CLN, DGT, DTL | Huyện Đồng Phú                  | 5.000                              | 5.000               |                 |                                    | Tờ trình số 48a/TTr-UBND ngày 09/6/2021 của UBND tỉnh    |         |
| 20        | Xây dựng đường trục chính từ ĐT741 vào khu công nghiệp và dân cư Đồng Phú  | 25,20                  | ONT, ODT, CLN, DGT, DTL | Huyện Đồng Phú                  | 5.000                              | 5.000               |                 |                                    | Tờ trình số 48a/TTr-UBND ngày 09/6/2021 của UBND tỉnh    |         |
| 21        | Vùng lõi căn cứ hậu cần - kỹ thuật   | 49,00                  | CLN                     | Tân Hòa                         |                                    |                     |                 |                                    | Quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 của UBND tỉnh   |         |
| 22        | Đường phía sau khu Hoa viên - Tượng đài (đất của bà Phạm Thị Nhuận)  | 0,06                   | CLN                     | Thị trấn Tân Phú                | 100                                |                     | 100             |                                    | Thông báo số 602/TB-UBND ngày 19/3/2021 của UBND huyện   |         |
| <b>XI</b> | <b>Thị xã Phước Long</b>   | <b>68,66</b>           |                         |                                 |                                    |                     |                 |                                    |  |         |
| 1         | Xây dựng láng nhựa đường từ ĐT 741 đến đường vòng quanh núi Bà Rá, thị xã Phước Long                             | 11,00                  | CLN                     | Phước Bình                      | 10.000                             | 10.000              |                 |                                    | Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019             |         |



| STT         | Tên dự án  | Diện tích thu hồi (ha) | Loại đất thu hồi (*) | Địa điểm thực hiện (đến cấp xã) | Số tiền để bồi thường (triệu đồng) | Nguồn vốn thực hiện |                 |                                    | Căn cứ pháp lý  | Ghi chú |
|-------------|--|------------------------|----------------------|---------------------------------|------------------------------------|---------------------|-----------------|------------------------------------|---|---------|
|             |  |                        |                      |                                 |                                    | Ngân sách tỉnh      | Ngân sách huyện | Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...) |   |         |
| 2           | Xây dựng, láng nhựa đường từ ĐT 741 (gần Công ty cao su Phước Long đến đường ĐT 759) | 7,00                   | CLN                  | Long Phước                      | 10.000                             | 10.000              |                 |                                    | Nghị quyết số 11/2019/NQ- HĐND ngày 05/7/2019           |         |
| 3           | Đường từ ĐT.759 đi qua khu di tích lịch sử Cây Khế Bà Định và nhà tù Bà Rá           | 11,50                  | CLN                  | Sơn Giang, Long Giang           | 12.500                             | 12.500              |                 |                                    | Nghị quyết số 11/2019/NQ- HĐND ngày 05/7/2019           |         |
| 4           | Xây dựng cầu bắc qua Sông Bé (nối thị xã Phước Long với huyện Bù Gia Mập)            | 2,00                   | CLN                  | Long Giang                      | 8.000                              | 8.000               |                 |                                    | Nghị quyết số 34/NQ- HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh |         |
| 5           | Khai thông ngập úng cánh đồng Sơn Long   | 7,00                   | CLN                  | Long Thủy, Long Giang           | 18.000                             | 18.000              |                 |                                    | Nghị quyết số 34/NQ- HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh |         |
| 6           | Vùng lõi căn cứ hậu cần - kỹ thuật   | 30,10                  | CLN                  | Phước Tín                       |                                    |                     |                 |                                    | Quyết định số 45/QĐ- UBND ngày 30/12/2011 của UBND tỉnh |         |
| 7           | Chốt kiểm lâm Bà Rá  | 0,06                   |                      | Thác Mơ                         | 1.000                              |                     | 1.000           |                                    | Quyết định số 807/QĐ- UBND ngày 30/3/2021 của UBND tỉnh |         |
| <b>Tổng</b> |  | <b>4.194,18</b>        |                      |                                 |                                    |                     |                 |                                    |   |         |

Ghi chú (\*):

CLN: Đất trồng cây lâu năm

SKC: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

TMD: Đất thương mại, dịch vụ

PKN: Đất phi nông nghiệp khác

DNL: Đất công trình năng lượng

RSX: Đất trồng rừng sản xuất

TSC: Đất xây dựng trụ sở cơ quan

ONT: Đất ở tại nông thôn

ODT: Đất ở tại đô thị

TIN: Đất cơ sở tín ngưỡng

DDT: Đất có di tích lịch sử - văn hóa

DGT: Đất giao thông

DTL: Đất thủy lợi

NTS: Đất nuôi trồng thủy sản

SON: Đất sông suối và MNCD

RPH: Đất rừng phòng hộ

HNK: Đất trồng cây hàng năm khác

DYT: Đất y tế

DCH: Đất chợ

DRA: Đất bãi thải, xử lý chất thải